

ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐH NÔNG – LÂM BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Triết học**
- Tên tiếng anh: **Philosophy**
- Mã số: **QLKT301**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 4, Lý thuyết 3,0, Thực hành: 1,0.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. TS. Phạm Thanh Hà**

2. Ths. Nguyễn Thị Kim Nhung

- Bộ môn: **Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin**

2. Mô tả học phần

Chương trình môn Triết học giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; cung cấp những nội dung cơ bản của phép biện chứng chung và phép biện chứng Mác xít; cung cấp những nội dung khoa học về nhận thức luận duy vật biện chứng; học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, cung cấp những nội dung cơ bản về lý luận hệ thống KT-XH và vận dụng vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; hệ thống hóa các quan điểm triết học chính trị của các trào lưu triết học điển hình trong lịch sử; cung cấp những nội dung cơ bản về ý thức xã hội trên lập trường duy vật biện chứng; bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người.

3. Mục tiêu của học phần

**Về kiến thức:*

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.

**Về kỹ năng:*

- Đọc, hiểu và tư duy vấn đề triết học, từ đó biết cách vận dụng những kiến thức triết học vào việc nghiên cứu khoa học cũng như hoạt động thực tiễn.

- Từ kiến thức triết học thuộc chương trình cao học, người học biết vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế.

4. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC

1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

1.3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội

1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

CHƯƠNG 2: BẢN THỂ LUẬN

2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây

2.2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin

2.3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 3: PHÉP BIỆN CHỨNG

3.1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử

3.2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn

CHƯƠNG 4: NHẬN THỨC LUẬN

4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức

4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

4.3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội

4.4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

5.1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại

5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

CHƯƠNG 6: TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ

6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học

6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội

6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 7: Ý THỨC XÃ HỘI

7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội

7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 8: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử

8.2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người

8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

5. Tài liệu học tập

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2015) *Giáo trình triết học (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học – dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không chuyên ngành triết*; NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

3. Đoàn Quang Thọ (2010), *Giáo trình Triết học – dùng cho học viên cao học*; NXB Chính trị - Hành chính.

4. Lênin (Sách dịch-1981), *Lênin - Toàn tập (Tập 29)*, NXB Tiến Bộ.

5. Nguyễn Đăng Thục (1991), *Lịch sử triết học Phương Đông (5 tập)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

6. Ph. Ăngghen (Sách dịch-1981), *Biện chứng của Tự nhiên*, NXB Sự Thật, Hà Nội.

7. Lã Trần Vũ (1994), *Lịch sử tư tưởng chính trị Trung quốc*, NXB Sự Thật, Hà Nội.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Thị Kim Nhung

TRƯỞNG BỘ MÔN



Phạm Thanh Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG ANH

(Dành cho học viên cao học & nghiên cứu sinh không chuyên Tiếng Anh)

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: *Tiếng Anh*
- Mã môn học: 3001
- Số tín chỉ: 04
- Môn học: Bắt buộc
- Các môn học tiên quyết: Không
- Phân phối thời gian:
- Tổng số tiết: 60 tiết

1.1. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

* Giờ lên lớp (15 giờ lý thuyết/tín chỉ):

+ Lý thuyết (15 giờ /tín chỉ): 2,0 tín chỉ = 30 giờ

+ Thực hành, thảo luận, bài tập (30-45 giờ /tín chỉ): 2,0 tín chỉ = 60 giờ

* Giờ chuẩn bị cá nhân (30 giờ/tín chỉ):

+ Hoạt động theo nhóm: 0 giờ

+ Tự học, tự nghiên cứu: 120 giờ

* Làm tiểu luận, bài tập lớn (45-60 giờ/tín chỉ): 240 giờ

1.2. Địa chỉ Bộ môn phụ trách môn học: Trung tâm Ngoại Ngữ - Tin học/ Bộ môn Ngoại ngữ trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang.

2. Thông tin về giảng viên giảng dạy môn học:

STT	Họ và tên	Chức danh, học hàm, học vị	Liên hệ
1	Đỗ Thị Huyền	Thạc sĩ	0982036952
2	Nguyễn Thị Hoa	Thạc sĩ	0989192029

3. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần Tiếng Anh được thiết kế nhằm trang bị cho học viên cao học có đủ kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trình độ tương đương trình độ B1 (sử dụng chuẩn CEFR và Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam - điều kiện chuẩn đầu ra theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4. Nội dung chi tiết của môn học

Tín chỉ 1

Unit 1: A question of sport

- Mục đích:

+ Giúp học viên nắm được thì *Present simple* và cách sử dụng trạng từ chỉ mức độ thường xuyên.

+ Giúp học viên sử dụng linh hoạt cấu trúc: *there is & there are*.

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến *sports, hobbies, a kind of*

- **Yêu cầu:** Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 2: I'm a friendly person

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên nắm được cách sử dụng *like/enjoy + -ing; want/ would like + to V*

+ Giúp học viên sử dụng linh hoạt cấu trúc: *have got*

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến *Describing people: appearance, personality, interests; inviting and responding to invitations*.

- **Yêu cầu:** Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 3: What's your job?

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên phân biệt được *Present simple vs. Present continuous, state verbs; short answers*.

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *jobs*

- **Yêu cầu:** Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 4: Let's go out

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên sử dụng được *Present continuous for future plans*.

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *Entertainment; making appointments; dates*

- **Yêu cầu:** Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Tín chỉ 2

Unit 5: Wheels and wings

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên sử dụng được *Need; countable and uncountable nouns; expressions of quantity*

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *Transport; airport language*

- **Yêu cầu:** Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 6: What did you do at school today?

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên sử dụng được *Past simple; short answers; adjectives ending in -ing and -ed*.

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *School life; school subjects; describing feelings and opinions; dates (years and decades)*

- **Yêu cầu:** Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 7: Around town

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên sử dụng được *Prepositions of place and movement; comparative*

adjectives; commands

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *Places/buildings in towns; directions; polite questions; saying you don't understand*

- **Yêu cầu:** Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 8: Let's celebrate

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên sử dụng được *Present perfect simple; just, already, yet*

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *Describing experiences and recent activities; celebrations, festivals and parties; giving good wishes*- **Yêu cầu:**

Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Tín chỉ 3

Unit 9: How do you feel?

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên sử dụng được *Short answers in the present perfect*

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *Parts of the body; illnesses; Giving advice; expressions with at*

Yêu cầu: Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 10: I look forward to hearing from you

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên sử dụng được *Present perfect and past simple; ago, for, since, in;*

+ Giúp học viên biết cách viết *Letters and emails, etc.*

Yêu cầu: Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 11: Facts and figures

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên sử dụng được *Superlative adjectives; present simple passive*

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *Countries, nationalities, languages; large numbers and measurements; what to say when you're not sure*

Yêu cầu: Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 12: A good read

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên sử dụng được *Past continuous; past continuous vs. past simple; while/when + past continuous*

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *Telling a story; saying what happened and what was happening; kinds of books; book reviews*

Yêu cầu: Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Tín chỉ 4

Unit 13: A place of my own

- **Mục đích:**

+ Giúp học viên sử dụng được *Modals (probability and possibility): it could/ might/ must/ can't be; prepositions of place*

+ Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *Describing styles and saying what you prefer; price; rooms and furniture*

Yêu cầu: Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 14: What's in fashion?

- **Mục đích:**

- + Giúp học viên sử dụng được *used to; too and enough with adjectives; adjective order*.
- + Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *Guessing unknown words; clothes; colours*

Yêu cầu: Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

Unit 15: Risk!

- Mục đích:

- + Giúp học viên sử dụng được *Modals (permission and obligation): can, can't; have to, don't have to; had to and didn't have to; adverbs*.
- + Giúp học viên sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề *Rules; phrasal verbs with get; activities and experiences; adjectives and adverbs*.

Yêu cầu: Học viên phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.

5. Mục tiêu chung của môn học

Kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Về kiến thức:

+ Có đủ lượng từ để thực hiện giao tiếp với mức độ tự tin nhất định về nhiều chủ đề quen thuộc liên quan đến công việc, trường học, giải trí, .v.v.

+ Sử dụng được các thì tiếng Anh; Câu bị động; Câu điều kiện; Câu gián tiếp; Mệnh đề quan hệ...

+ Nhận diện được cách phát âm, phiên âm tiếng Anh để có thể phát âm chuẩn; Phân biệt các cặp nguyên âm ngắn - dài; phân biệt các cặp phụ âm hữu thanh - vô thanh.

+ Nói đúng trọng âm và ngữ điệu trong giao tiếp về nhiều chủ đề đa dạng trong cuộc sống thường ngày.

- Về kỹ năng:

Sinh viên được phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết ở mức trung cấp liên quan đến các tình huống quen thuộc hàng ngày.

* Kỹ năng nghe:

+ Có thể nghe lấy ý chính và xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói có độ khó trung bình (các đoạn hội thoại trực diện, các băng hình băng tiếng, các chương trình phát thanh) trong các tình huống giao tiếp nghi thức, bán nghi thức hoặc phi nghi thức, về các chủ đề hàng ngày quen thuộc liên quan đến bản thân tại nơi làm việc, trường học... Tốc độ chậm đến trung bình.

+ Có thể hiểu khá nhiều từ ngữ thông thường và một số lượng rất hạn chế các thành ngữ.

+ Có thể hiểu các diễn ngôn trong ngữ cảnh rõ ràng, về các kinh nghiệm và kiến thức chung. Nắm được ý chính những đoạn thảo luận khá dài.

+ Nghe hiểu được một bài giảng dạy hay bài nói chuyện thuộc chuyên ngành/lĩnh vực thuộc công việc của mình. Có thể ghi chép vắn tắt nội dung chính và vài chi tiết trong khi nghe.

+ Có thể hiểu các tập hợp chỉ dẫn/hướng dẫn ngắn, các thông tin kỹ thuật đơn giản, hiểu các câu hỏi trực tiếp về kinh nghiệm bản thân hoặc các chủ đề quen thuộc.

* Kỹ năng nói:

+ Có thể tham gia vào các cuộc trao đổi xã giao không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc mà bản thân quan tâm và công việc thường nhật một cách khá tự tin.

+ Có thể cung cấp tương đối chi tiết thông tin, ý kiến, miêu tả, báo cáo và kể lại một sự kiện, tình huống.

+ Có thể sử dụng đa dạng các cấu trúc đơn giản và một số cấu trúc phức tạp nhưng đôi khi lược bỏ/ giảm bớt một số thành phần như mạo từ, động từ thì quá khứ. Tuy nhiên vẫn mắc nhiều lỗi phát âm và ngữ pháp mà không ảnh hưởng nhiều đến quá trình giao tiếp.

+ Có thể tập hợp những từ dùng hàng ngày, ngữ đoạn và thành ngữ quen thuộc. Có thể hiểu, đoán trước được các lời nhắn đơn giản trên điện thoại, nhưng đôi khi vẫn gặp nhiều khó khăn.

+ Có thể đạt mức độ lưu loát trong giao tiếp thông thường, nhưng vẫn còn nhiều chỗ ngập ngừng.

+ Có thể trao đổi qua điện thoại những vấn đề quen thuộc, nhưng còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng khi không có hình ảnh/ phương tiện nghe nhìn hỗ trợ.

+ Có thể trình bày có chuẩn bị trước một vấn đề, đề tài quen thuộc trong lĩnh vực công việc, nghiên cứu của mình, với các điểm chính được giải thích với độ chính xác tương đối.

* Kỹ năng đọc:

+ Học viên có thể đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một bài văn xuôi đơn giản (ba đến năm đoạn) hoặc bài đọc không theo hình thức văn xuôi trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ có yêu cầu khá cao.

+ Có thể tìm hai hoặc ba chi tiết cụ thể trong các bài đọc dạng văn xuôi, bảng, biểu và lịch trình dùng cho mục đích phân tích, so sánh.

+ Có thể hiểu tin nhắn, thư, lịch trình, hành trình được đánh máy hoặc viết tay rõ ràng.

+ Có thể lấy thông tin về các chủ đề quen thuộc từ các bài đọc có các bố cục rõ ràng, gắn gũi với kiến thức nền và trải nghiệm bản thân.

+ Có thể thường xuyên dùng từ điển đơn ngữ dạng đơn giản, biên soạn dành cho người học như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ.

+ Chú trọng lòng ghép dạy kiến thức và khả năng sử dụng tốt các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng trong giao tiếp.

* Kỹ năng viết:

+ Học viên có khả năng hoàn thành các nhiệm vụ viết tương đối phức tạp. Có thể truyền đạt có hiệu quả các thông tin quen thuộc trong một bố cục chuẩn quen thuộc.

- + Có thể viết các bức thư và bài viết dài.
- + Có thể điền mẫu đơn xin việc với các nhận xét ngắn về kinh nghiệm, khả năng, ưu điểm; có thể làm báo cáo.
- + Có thể viết lại các thông tin đơn giản, nghe được hoặc nhìn thấy; có thể ghi chép khi nghe các bài trình bày ngắn hoặc từ các tài liệu tham khảo.
- + Có thể sử dụng thông tin từ bảng, biểu để viết thành một đoạn văn mạch lạc. Có thể ghi lại lời nhắn điện thoại hàng ngày.
- * Các kỹ năng khác:
 - + Tổ chức và làm việc theo nhóm.
 - + Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet phục vụ cho việc học tập môn học.
 - + Vận dụng được các kiến thức đã học trong đàm thoại và giao dịch bằng Tiếng Anh trong cuộc sống và công việc hàng ngày.
 - Về thái độ:
 - + Nhận thức rõ tầm quan trọng của học phần;
 - + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;
 - + Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu tham khảo;
 - + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng và óc tư duy sáng tạo và phê phán vào các hoạt động trên lớp;
 - + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn;
 - + Chia sẻ thông tin với học viên và giảng viên;
 - + Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Louise Hashemi & Barbara Thomas (2010), Objective PET, Cambridge University Press.

6.2. Tài liệu tham khảo khác

[1]. Elaine Boyd & Mary Stephens (2012), Activate! B1 (2nd Ed), Pearson Education Limited.

[2]. Louise Hashemi & Barbara Thomas (2010), Cambridge Practice Tests for PET, Cambridge Examinations Publishing.

[3]. Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles (2008), Destination B1 - Grammar and Vocabulary, Macmillan.

[4]. Peter May & Amanda Thomas (2010), Complete PET Workbook, CUP.

[5]. Tài liệu ôn tập (Test - oriented Packs + Exam focus + Item bank Packs) - Giảng viên Tiếng Anh trường Đại học Nông - Lâm biên soạn.

7. Hình thức tổ chức dạy học

a. Lịch trình chung

Thời gian (tuần)	Nội dung chi tiết	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu SV chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		Giờ lên lớp			Hoạt động theo nhóm	Tự học		
		Lý thuyết	Thực hành	Thảo luận				
Tuần 1	Unit 1: A question of sport	2	2			6		
	1.1. Ngữ pháp: 1.2. Từ vựng 1.3. Nghe nói: 1.4. Exam folder 1	1 1	1 1			2 2 1 1	HV đọc Objective PET p.10 - 15.	
Tuần 1	Unit 2: I'm a friendly person	2	2			6		
	2.1. Ngữ pháp: 2.2. Từ vựng: 2.3. Nghe nói: 2.4. Exam folder 2	1 1	1 1			2 2 1 1	HV đọc Objective PET p.16 - 21	
Tuần 2	Unit 3: What's your job?	2	2			6		
	3.1. Ngữ pháp 3.2. Từ vựng 3.3. Nghe nói: Jobs 3.4. Exam folder 3	1 1	1 1			2 2 1 1	HV đọc Objective PET p.22- 27	
Tuần 2	Progress Test 1		2			2		
Tuần 2	Unit 4: Let's go out	2	2			6		
	4.1. Ngữ pháp 4.2. Từ vựng 4.3. Nghe nói 4.4. Exam folder 4	1 1	1 1			2 2 1 1	HV đọc Objective PET p.28- 33	
Tuần 3	Unit 5: Wheels and wings	2	2			6		
	5.1. Ngữ pháp 5.2. Từ vựng 5.3. Nghe nói 5.4. Exam folder 5	1 1	1 1			2 2 1 1	HV đọc Objective PET p.34- 39	
Tuần 4	Unit 6: What did you do at school today?	2	2			6		
	6.1. Ngữ pháp 6.2. Từ vựng 6.3. Nghe nói 6.4. Exam folder 6	1 1	1 1			2 2 1 1	HV đọc Objective PET p.40- 45	

Tuần 4	Progress Test 2		2			2		
	Unit 7: Around town	2	4			8		
Tuần 5	<i>7.1. Ngữ pháp</i> <i>7.2. Từ vựng</i> <i>7.3. Nghe nói</i> <i>7.4. Exam folder 7</i>	1 1	2 2			2 2 2 2	HV đọc <i>Objective PET</i> p.48- 53	
	Unit 8: Let's celebrate	2	4			8		
Tuần 5	<i>8.1. Ngữ pháp</i> <i>8.2. Từ vựng</i> <i>8.3. Nghe nói</i> <i>8.4. Exam folder 8</i>	1 1	2 2			2 2 2	HV đọc <i>Objective PET</i> p.54- 59	
	Unit 9: How do you feel?	2	4			8		
Tuần 6	<i>9.1. Ngữ pháp</i> <i>9.2. Từ vựng</i> <i>9.3. Nghe nói</i> <i>9.4. Exam folder 9</i>	1 1	2 2			2 2 2 2	HV đọc <i>Objective PET</i> p.60- 65	
Tuần 6	Mid-Term Test		4			4		
Tuần 6	Unit 10: I look forward to hearing from you	2	4			8		
	<i>10.1. Ngữ pháp</i> <i>10.2. Từ vựng</i> <i>10.3. Nghe nói</i> <i>10.4. Exam folder 10</i>	1 1	2 2			2 2 2 2	HV đọc <i>Objective PET</i> p.66- 71	
Tuần 7	Unit 11: Facts and figures	2	4			8		
	<i>11.1. Ngữ pháp</i> <i>11.2. Từ vựng</i> <i>11.3. Nghe nói</i> <i>11.4. Exam folder 11</i>	1 1	2 2			2 2 2 2	HV đọc <i>Objective PET</i> p.72- 77	
Tuần 8	Unit 12: A good read	2	4			8		
	<i>12.1. Ngữ pháp</i> <i>12.2. Từ vựng</i> <i>12.3. Nghe nói</i> <i>12.4. Exam folder 12</i>	1 1	2 2			2 2 2 2	HV đọc <i>Objective PET</i> p.78- 83	
Tuần 8	Progress Test 3		2			2		
Tuần 8	Unit 13: A place of my own	2	4			8		
	<i>13.1. Ngữ pháp</i> <i>13.2. Từ vựng</i> <i>13.3. Nghe nói</i> <i>13.4. Exam folder 13</i>	1 1	2 2			2 2 2 2	HV đọc <i>Objective PET</i> p.86- 91	
Tuần 9	Unit 14: What's in fashion?	2	4			8		

	14.1. <i>Ngữ pháp</i> 14.2. <i>Từ vựng</i> 14.3. <i>Nghe nói</i> 14.4. <i>Exam folder 14</i>	1 1	2 2			2 2 2 2	HV đọc <i>Objective PET</i> p.92- 97
Tuần 9	Unit 15: Risk!	2	4			8	
	15.1. <i>Ngữ pháp</i> 15.2. <i>Từ vựng</i> 15.3. <i>Nghe nói</i> 15.4. <i>Exam folder 15</i>	1 1	2 2			2 2 2 2	HV đọc <i>Objective PET</i> p.98-103
Tuần 9	Progress Test 4		2			2	
	Tổng	30	60			120	

b. Lịch trình cụ thể

Tuần	Hình thức tổ chức dạy-học	Thời gian địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
	Giới thiệu + Lý thuyết	Unit 1: A question of sport (<i>Học trực tuyến</i>)	1.1. Ngữ pháp 1.1.1. Present simple, frequency adverbs 1.1.2. There is/ there are 1.2. Từ vựng Sports, hobbies; a kind of	HV đọc <i>Objective PET</i> p.10 - 15. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao.
		Unit 1: A question of sport (<i>Giảng đường</i>)	1.3. Nghe nói: Sports 1.4. Exam folder 1	HV đọc <i>Objective PET</i> p.10 - 15. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao.
	Lý thuyết	Unit 2: I'm a friendly person (<i>Học trực tuyến</i>)	2.1. Ngữ pháp like/enjoy+ -ing; want/ would like+ to; to be + a(n) +occupation 2.2. Từ vựng Describing people: appearance, personality, interests; inviting and responding to invitations	HV đọc <i>Objective PET</i> p.16 - 21 - Thực hiện các yêu cầu do GV giao.
		Unit 2: I'm a friendly person (<i>Giảng đường</i>)	2.2. Nghe nói: A famous people 2.4. Exam folder 2	HV đọc <i>Objective PET</i> p.16 - 21 - Thực hiện các yêu cầu do GV giao.
	Lý thuyết	Unit 3: What's your job? (<i>Học trực tuyến</i>)	3.1. Ngữ pháp 3.1.1. Present simple vs. Present continuous(for present actions); state verbs. 3.1.2. Short answers 3.2. Từ vựng Saying what people are doing; jobs	HV đọc <i>Objective PET</i> p.22- 27 - Thực hiện các yêu cầu do GV giao.
		Unit 3: What's your job?	3.3. Nghe nói: Jobs 3.4. Exam folder 3	HV đọc <i>Objective PET</i> p.22- 27

		(Giảng đường)		- Thực hiện các yêu cầu do GV giao.
		Progress Test 1 (Giảng đường)		
Lý thuyết		Unit 4: Let's go out (Học trực tuyến)	4.1. Ngữ pháp 4.1.1. Prepositions of time 4.1.2. Present continuous for future plans 4.2. Từ vựng Entertainment; making appointments; dates	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.28- 33 - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 4: Let's go out (Giảng đường)	4.3. Nghe nói: Music 4.4. Exam folder 4	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.28- 33 - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 5: Wheels and wings (Học trực tuyến)	5.1. Ngữ pháp 5.1.1. Need 5.1.2. Countable and uncountable nouns; expressions of quantity 5.2. Từ vựng Transport; airport language; compound nouns	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.34- 39. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 5: Wheels and wings (Giảng đường)	5.3. Nghe nói: Your favourite mean of transport 5.4. Exam folder 5	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.34- 39. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 6: What did you do at school today? (Học trực tuyến)	6.1. Ngữ pháp 6.1.1. Past simple, short answers 6.1.2. Adjectives ending in -ing and -ed 6.2. Từ vựng: School life; school subjects; describing feelings and opinions; dates (years and decades)	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.40- 45. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 6: What did you do at school today? (Giảng đường)	6.3. Nghe nói: Expressing opinions; Your memorable holiday. 6.4. Exam folder 6	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.40- 45. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Progress Test 2 (Giảng đường)		
		Unit 7: Around town (Học trực tuyến)	7.1. Ngữ pháp 7.1.1. Prepositions of place and movement 7.1.2. Comparative adjectives 7.1.3. Commands 7.2. Từ vựng	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.48- 53. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao

			Places/buildings in towns; directions; polite questions; saying you don't understand	
		Unit 7: Around town (Giảng đường)	7.3. Nghe nói: Directions 7.4. Exam folder 7	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.48- 53. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 8: Let's celebrate (Học trực tuyến)	8.1. Ngữ pháp Present perfect simple; just, already, yet 8.2. Từ vựng Describing experiences and recent activities; celebrations, festivals and parties; giving good wishes	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.54- 59. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 8: Let's celebrate (Giảng đường)	8.3. Nghe nói An important festival in Vietnam 8.4. Exam folder 8	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.54- 59. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 9: How do you feel? (Học trực tuyến)	9.1. Ngữ pháp Short answers in the present perfect 9.2. Từ vựng Parts of the body; illnesses; Giving advice; expressions with at	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.60- 65. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 9: How do you feel? (Giảng đường)	9.3. Nghe nói What should you do to stay healthy and keep fit? 9.4. Exam folder 9	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.60- 65. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Mid-Term Test (Giảng đường)		
4		Unit 10: I look forward to hearing from you (Học trực tuyến)	10.1. Ngữ pháp: Present perfect and past simple 10.2. Từ vựng Letters and emails, etc.	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.66- 71. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 10: I look forward to hearing from you (Giảng đường)	10.3. Nghe nói Experience 10.4. Exam folder 10	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.66- 71. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 11: Facts and figures (Học trực tuyến)	11.1. Ngữ pháp 11.1.1. Superlative adjectives; 11.1.2. present simple passive 11.2. Từ vựng Countries, nationalities, languages; large numbers and measurements; what to say when you're not sure	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.72- 77. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 11: Facts and figures	11.3. Nghe nói: A radio quiz 11.4. Exam folder 11	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.72- 77.

		(Giảng đường)		- Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 12: A good read (Học trực tuyến)	12.1. Ngữ pháp 12.1.1. Past continuous; past continuous vs. past simple 12.1.2. while/when+past continuous 12.2. Từ vựng Telling a story; saying what happened and what was happening; kinds of books; book reviews	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.78- 83. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 12: A good read (Giảng đường)	12.3. Nghe nói Series of story; Your favourite film/ book 12.4. Exam folder 12	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.78- 83. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Progress Test 3		
		Unit 13: A place of my own (Học trực tuyến)	13.1. Ngữ pháp Modals (probability and possibility): it could/ might/ must/ can't be; prepositions of place 13.2. Từ vựng Describing styles and saying what you prefer; price; rooms and furniture	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.86- 91. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 13: A place of my own (Giảng đường)	13.3. Nghe nói The place of living; Your house. 13.4. Exam folder 13	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.86- 91. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 14: What's in fashion? (Học trực tuyến)	14.1. Ngữ pháp 14.1.1. used to 14.1.2. too and enough with adjectives; adjective order 14.2. Từ vựng Guessing unknown words; clothes; colours	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.92- 97. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 14: What's in fashion? (Giảng đường)	14.3. Nghe nói Fashion 14.4. Exam folder 14	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.92- 97. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 15: Risk! (Học trực tuyến)	15.1. Ngữ pháp 15.1.1. Modals (permission and obligation): can, can't; have to, don't have to; had to and didn't have to 15.1.2. Adverbs 15.2. Từ vựng Rules; phrasal verbs with get; activities and experiences; adjectives and adverbs	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.98- 103. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Unit 15: Risk! (Giảng đường)	15.3. Nghe nói The Marathon of the Sands 15.4. Exam folder 15	- HV đọc <i>Objective PET</i> p.98- 103. - Thực hiện các yêu cầu do GV giao
		Progress Test 4 (Giảng đường)		

8. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình đào tạo sau đại học của Đại học Nông – Lâm Bắc Giang.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập môn học

a. Hình thức đánh giá

Phương pháp đánh giá	Số lần	Trọng số (%)
Chuyên cần (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt và tích cực thảo luận...)	Quá trình	10%
Progress Test 1	01	20%
Progress Test 2	01	
Progress Test 3	01	
Progress Test 4	01	
Mid-Term Test	01	20%

b. Tiêu chí đánh giá

- Kiểm tra điều kiện

+ Hình thức: Tự luận.

+ Nội dung: Những vấn đề của bài học.

+ Tiêu chí đánh giá: Trình bày ngắn gọn, súc tích, đủ ý.

Tổng điểm: 10 điểm.

- Thi kết thúc học phần

+ Hình thức: Tự luận.

+ Nội dung: Những vấn đề đã nghiên cứu của môn học.

+ Tiêu chí đánh giá: Trình bày ngắn gọn, súc tích, đủ ý.

Tổng điểm: 10 điểm.

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

Đỗ Thị Huyền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ VI MÔ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Kinh tế vi mô**
- Tên tiếng anh: **Microeconomics**
- Mã số: **QLKT304**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5; Thực hành: 0,5.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên:
 - 1. PGS.TS. Nguyễn Quang Hà**
 - 2. TS. Trần Văn Đức**
 - 3. Ths. Võ Thị Khánh Linh**
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Trên cơ sở những kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô ở bậc đại học, học phần này tập trung vào cung cấp cho người học những kiến thức kinh tế vi mô nâng cao về: lý thuyết thuế, thất bại của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ, hiệu quả Pareto và ứng xử của người tiêu dùng lẫn người sản xuất, ứng dụng của kinh tế vi mô vào phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến cân bằng và phản ứng của thị trường.

3. Mục tiêu của học phần

**Về kiến thức:*

- Học phần sẽ cung cấp cho học viên những khái niệm và công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô, các kiến thức nâng cao về kinh tế vi mô trong cơ chế kinh tế thị trường và trong xu thế hội nhập; làm cơ sở cơ bản cho học viên học tập và nghiên cứu các môn học nâng cao của chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- Người học hiểu sâu hơn về những thất bại của thị trường, vai trò điều tiết kinh tế của Chính phủ; hiểu được thế nào là hiệu quả Pareto và ứng xử của người sản xuất và người tiêu dùng; nắm chắc tính chất cơ bản của hệ thống thuế, phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của nó trong kinh tế.

**Về kỹ năng:*

- Xác định nguyên tắc đưa ra quyết định tối ưu để phân bổ nguồn lực trong vai trò người tiêu dùng hay nhà sản xuất sản phẩm, hoặc nhà cung ứng yếu tố sản xuất.

- Vận dụng được lý thuyết chi phí cơ hội để lựa chọn sản xuất sao cho sử dụng có hiệu quả nguồn lực có sẵn.

- Giải thích được các bất thường khi giá cả thay đổi, hoặc do có sự điều chỉnh của Nhà nước vào thị trường. Tính toán được độ nhạy cảm của cung và cầu khi có những thay đổi của giá cả, các loại chi phí, chính sách thuế từ đó người sản xuất và người tiêu dùng có thể đưa ra ứng xử phù hợp để đạt được hiệu quả Pareto.

- Tính toán thành thạo các thay đổi của thị trường trong ngắn hạn và dài hạn và khi có thương mại quốc tế.

- Phân tích được những ảnh hưởng của Thuế đến hiệu quả kinh tế.

- Vận dụng kiến thức nâng cao vào nghiên cứu các đề tài khoa học và áp dụng trong thực tiễn đối với ngành Quản lý kinh tế.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG THẤT BẠI CỦA NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT CỦA CHÍNH PHỦ

1.1. Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

1.2. Những thất bại của nền Kinh tế thị trường & các chính sách hạn chế thất bại của Chính phủ

1.3. Phân phối lại phúc lợi xã hội và hàng hoá khuyến dụng

CHƯƠNG 2: HIỆU QUẢ PARETO VÀ ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG, NGƯỜI SẢN XUẤT

2.1. Hàm cầu và hành vi của người tiêu dùng

2.2. Hàm chi phí và hành vi của người sản xuất

2.3. Hiệu quả Pareto (Pareto optimality)

CHƯƠNG 3: ỨNG DỤNG CỦA KINH TẾ VI MÔ VÀO PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN SỰ CÂN BẰNG VÀ PHẢN ỨNG CỦA THỊ TRƯỜNG

3.1. Nghiên cứu cầu cung và ứng xử của người cung ứng trong thời kỳ ngắn hạn, dài hạn

3.2. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố trong thời kỳ ngắn hạn

3.3. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố trong thời kỳ dài hạn

3.4. Cân bằng thị trường khi có thương mại quốc tế

CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT VỀ THUẾ

4.1. Năm tính chất cơ bản của hệ thống thuế

4.2. Hậu quả kinh tế của hệ thống thuế (ảnh hưởng dưới góc độ kinh tế)

4.3. Phạm vi ảnh hưởng của thuế

4.4. Thuế và hiệu quả kinh tế trong tiêu dùng

5. Tài liệu học tập

5.1 Tài liệu tiếng Việt

1. Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công, *Giáo trình Kinh tế học (Tập I)*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
2. Đại học Kinh tế Quốc dân (1995), *Kinh tế vi mô*, Hà Nội.
3. Đại học Kinh tế Quốc dân (1993), *Những vấn đề cơ bản kinh tế vi mô*, Hà Nội.
4. Ủy ban Vật giá nhà nước (1989), *Thị trường và nghệ thuật kinh doanh*, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

5. Bradley R. Schiller (1990), *The Micro Economy Today*, Random House, Inc.
6. David Begg, Stanley Fisher & Rudiger Dornbusch (1992), *Kinh tế học*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
7. Dominick Salvatore (1993), *Managerial Economics in a Global Economy*, McGraw – hill International Edition.
8. Edwin Mansfield (1983), *Principles of Microeconomics*, W.W Norton & company, New York & London.
9. Howard Davies (1991), *Managerial Economics for business management and accounting*, Pitman Publishing, 128 Long Acre, London WC2E 9AN.
10. Rober S.Pindyck (1992), *Microeconomics*, Addison Wesley Publishing Company.
11. S. Chales Maurice & Chale W.Smithson (1990), *Kinh tế quản lý*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
12. Paul A. Samuelson (1989), *Kinh tế học*, Viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

- Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi
- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)
 - Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ
 - Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ VĨ MÔ**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Kinh tế vĩ mô**
- Tên tiếng anh: **Macroeconomics**
- Mã số: **QLKT305**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5, Thực hành: 0,5.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. TS. Nông Hữu Tùng**
2. Ths. Võ Thị Khánh Linh
- Bộ môn : **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Trên cơ sở củng cố và nâng cao các kiến thức về chính sách và công cụ kinh tế vĩ mô, học phần này cung cấp thêm các kiến thức nâng cao về: sự không ổn định của nền kinh tế và chính sách ổn định hoá; lạm phát và các biện pháp chống lạm phát; tăng trưởng kinh tế và bài học kinh nghiệm từ các nước; thực trạng những vấn đề kinh tế vĩ mô của Việt Nam giúp nghiên cứu, đánh giá và nhận định các vấn đề kinh tế trong thực tiễn đúng xu thế và hợp quy luật.

3. Mục tiêu của học phần

**Về kiến thức:*

- Phân tích những vấn đề kinh tế vĩ mô và vận dụng trong phân tích những vấn đề kinh tế vĩ mô đang diễn ra ở Việt Nam.
- Giúp học viên củng cố và nâng cao các kiến thức về các chính sách và công cụ kinh tế vĩ mô, sự không ổn định của nền kinh tế và chính sách ổn định hoá, lạm phát và các biện pháp chống lạm phát, tăng trưởng kinh tế và bài học kinh nghiệm từ các nước.

**Về kỹ năng:*

- Vận dụng tốt các chính sách quản lý vĩ mô ở Việt Nam.
- Phân tích được các cú sốc đối với cầu, cung, ảnh hưởng của nó đến các vấn đề kinh tế vĩ mô của nền kinh tế.
- Phân tích được tình hình lạm phát ở Việt Nam những năm gần đây; phân tích tình hình tăng trưởng kinh tế của các nước trên thế giới và ở Việt Nam.

- Sử dụng thành thạo kiến thức kinh tế vĩ mô vào nghiên cứu và học tập các môn học có liên quan.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: CÁC CHÍNH SÁCH VÀ CÔNG CỤ KINH TẾ VĨ MÔ

- 1.1. Chính sách tài khoá
- 1.2. Chính sách tiền tệ
- 1.3. Chính sách thu nhập
- 1.4. Chính sách kinh tế đối ngoại
- 1.4. Sự phối hợp của các chính sách
- 1.5. Vận dụng các chính sách quản lý kinh tế vĩ mô ở Việt Nam

CHƯƠNG 2: SỰ KHÔNG ỔN ĐỊNH CỦA NỀN KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH ỔN ĐỊNH HOÁ

- 2.1. Phân tích các cú sốc đối với cầu, cung và ảnh hưởng của nó đến các vấn đề kinh tế vĩ mô của nền kinh tế
- 2.2. Các biện pháp ổn định nền kinh tế
- 2.3. Những biến động của nền kinh tế và các giải pháp vĩ mô của Chính phủ

CHƯƠNG 3: LẠM PHÁT VÀ CÁC BIỆN PHÁP CHỐNG LẠM PHÁT

- 3.1. Lạm phát và tác động của lạm phát
- 3.2. Nguyên nhân và những biện pháp chống lạm phát
- 3.3. Phân tích tình hình lạm phát của Việt Nam những năm gần đây: diễn biến, nguyên nhân và các biện pháp thực hiện chống lạm phát

CHƯƠNG 4: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ CÁC NƯỚC

- 4.1. Phân tích tình hình tăng trưởng kinh tế của các nước trên thế giới
- 4.2. Các mô hình tăng trưởng
- 4.3 Bài học kinh nghiệm từ các nước về tăng trưởng kinh tế cho Việt Nam

CHƯƠNG 5: THỰC TRẠNG NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ VĨ MÔ CỦA VIỆT NAM

- 5.1. Phân tích về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam
- 5.2. Thực trạng về đầu tư ở Việt Nam với các vấn đề kinh tế vĩ mô
- 5.3. Lạm phát ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra
- 5.4. Thực trạng về hoạt động của thị trường tài chính của Việt Nam

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Công (2010), *Bài giảng và thực hành lý thuyết kinh tế vĩ mô*, NXB Lao động, Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Công, Nguyễn Việt Hưng (2011), Kinh tế vĩ mô – Lý thuyết và chính sách, NXB Lao động, Hà Nội.
3. Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công, *Giáo trình Kinh tế học (Tập II)*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
4. David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch(2009), *Kinh tế học tập 2 , Tái bản lần thứ tám*, NXB Thống kê, Hà Nội.
5. Paul A Samuelson và William D. Nordhalls (2002), *Kinh tế học tập 2*, NXB, NXB Thống kê, Hà Nội.
6. Robert J. Gordon (1994), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

7. Fronyen, R. T. & L. Low (2001), *Macroeconomics: An Asean Perspective*, Prentice Hall.
8. Mankiw N. Gregory (2001), *Macroeconomics, 5th Edtion*, Worth Publishers.
9. Mankiw N. Gregory (2003), *Principle of Macroeconomics, 2nd Edtion*, Hacourt College Publishers.

6. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi
- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (02 bài)
 - Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ
 - Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%)

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHOA HỌC QUẢN LÝ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Khoa học quản lý**
- Tên tiếng anh: **Management Sciences**
- Mã số: **QLKT306**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5; Thực hành: 0,5.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. PGS.TS. Nguyễn Quang Hà**
2. TS. Lê Khắc Côi
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Trang bị cho học viên hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý; các phẩm chất, năng lực cần có của người quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý trong thế kỷ XXI; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý: lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra; thế kỷ XXI và thông tin trong quản lý. Bước đầu trang bị kiến thức về kỹ năng quản lý, về nghiên cứu và tư vấn quản lý.

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức:*

- Trang bị cho học viên những kiến thức hệ thống và cập nhật về: bản chất và đặc trưng của quản lý; các khuynh hướng phát triển chủ yếu của khoa học quản lý hiện đại;
- Hoàn thiện các phương pháp, phong cách, nghệ thuật quản lý với những quan điểm tiếp cận mới; sự phát triển của các chức năng quản lý (lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra) trong điều kiện của thế kỷ XXI và những kỹ năng quản lý hiệu quả.

** Về kỹ năng:*

Trang bị cho học viên những kỹ năng phân tích lý thuyết; kỹ năng vận dụng các nguyên tắc và phương pháp quản lý; kỹ năng ra quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định quản lý; kỹ năng thiết kế mô hình tổ chức và phân công công việc, tạo động lực làm việc; kỹ năng kiểm tra, đánh giá trong quản lý. Từng bước hình thành kỹ năng nghiên cứu và tư vấn quản lý.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ

- 1.1. Lý thuyết về quản lý
- 1.2. Môi trường của quản lý
- 1.3. Các nguyên tắc của quản lý
- 1.4. Vai trò của quản lý

1.5. Nhà quản lý

1.6. Sự phát triển của các học thuyết về quản lý

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ

2.1. Bản chất của các phương pháp quản lý

2.2. Vận dụng các phương pháp quản lý trong thực tiễn

2.3. Nghệ thuật quản lý

CHƯƠNG 3: CÁC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ

3.1. Lập kế hoạch

3.2. Chức năng tổ chức

3.3. Chức năng lãnh đạo

3.4. Chức năng kiểm tra

CHƯƠNG 4: CÁC KỸ NĂNG QUẢN LÝ HIỆU QUẢ

4.1. Các kỹ năng quản lý cơ bản

4.2. Phát triển các kỹ năng quản lý

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Đại học Kinh tế Quốc dân (2007), *Giáo trình Khoa học quản lý*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền, *Giáo trình Khoa học quản lý, tập 1&2*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

3. Nguyễn Cảnh Hoan (2006), *Bài giảng khoa học quản lý*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.

4. Lê Văn Phùng (2014), *Giáo trình Khoa học quản lý*, NXB Khoa học và Truyền thông, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

5. A. Thompson, Jr. & A J.J.Strickland III (1993), *Strategic Management: Concepts & Cases*, Richard D.Iwin.

6. David I. Cleland, [Project management: strategic design and implementation](#), 3rd edition, New York: McGraw-Hill, 1999.

7. Jack P. Pekar, [Total quality management: guiding principles for application](#). Philadelphia: ASTM, 1995.

6 Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%)

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIN HỌC ỨNG DỤNG TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế**
- Tên tiếng anh: **Applied Informatics in Economic Management**
- Mã số: **QLKT307**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 1,5; Thực hành: 1,5.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. TS. Nguyễn Thực Huy**
2. TS. Nguyễn Tuấn Sơn
3. PGS. TS. Ngô Thị Thuận
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Học phần này được giảng dạy cho học viên cao học năm thứ nhất nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng làm việc với dữ liệu trên máy tính, tiếp cận với các vấn đề mới của CNTT ứng dụng trong nghiên cứu và quản lý kinh tế. Nội dung chính là cung cấp các thủ tục xử lý và phân tích dữ liệu bằng một phần mềm chuyên dụng, bao gồm: Kỹ thuật tổ chức thông tin và dữ liệu trên máy tính; các thủ tục và phương pháp phân tích mối quan hệ giữa các biến. Học phần đặc biệt chú trọng cung cấp cho học viên các thủ tục phân tích, kiểm định, xây dựng các mô hình hồi quy gồm: hồi quy cổ điển, hồi quy với biến giả, hồi quy logistic, hồi quy probit đây là những công cụ ứng dụng chủ yếu hỗ trợ phân tích các mối quan hệ trong kinh tế.

3. Mục tiêu học phần

**Về kiến thức:*

- Hiểu và giải thích được chức năng, vai trò của phần mềm SPSS, của phân tích thống kê đối với nghiên cứu khoa học;
- Nắm được quy trình thu thập, xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học;
- Hiểu rõ các loại dữ liệu, biến, thang đo và mối quan hệ của các loại dữ liệu với nhau, mối quan hệ giữa dữ liệu với thang đo;
- Nhận diện biến trên bảng câu hỏi phỏng vấn;
- Nắm rõ về các nguyên tắc, phương pháp khởi tạo biến, mã hóa biến trong SPSS;

- Nắm rõ những khái niệm trong việc phân tích, xử lý thống kê, trong việc sử dụng phần mềm SPSS;

- Hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của từng phương pháp phân tích thống kê, phương pháp kiểm định mà SPSS sử dụng;

- Nắm được cơ sở lý thuyết về các phương pháp phân tích thống kê, các phương pháp kiểm định mà SPSS sử dụng.

**Về kỹ năng:*

- Có thể thao tác trên máy tính các khâu từ cài đặt phần mềm, đặt font tiếng Việt cho SPSS;

- Xác định được các loại biến trên bảng câu hỏi, tiến hành các thủ tục thao tác khởi tạo biến mới;

- Kiểm tra hiệu chỉnh dữ liệu trên SPSS;

- Thực hiện các phép biến đổi trên biến như recode, Compute, count, select ...;

- Phân tích và đọc kết quả phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM SPSS

1.1. Giới thiệu về quy trình thu thập và xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học

1.2. Các phương pháp thu thập thông tin đối với nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế

1.3. Ý nghĩa của phần mềm SPSS trong phân tích, xử lý, lưu trữ dữ liệu thống kê

CHƯƠNG 2: CÁC LOẠI DỮ LIỆU VÀ THANG ĐO

2.1. Khái niệm về dữ liệu, biến và thang đo

2.2. Phân loại dữ liệu

2.3. Phân loại thang đo

2.4. Mối quan hệ giữa các loại dữ liệu

2.5. Mối liên hệ giữa dữ liệu và thang đo

2.6. Phân loại biến trên bảng hỏi

2.7. Xử lý câu hỏi mở

2.8. Cách khởi tạo biến trên SPSS

2.9. Xử lý giá trị khuyết của dữ liệu

2.10. Cách khởi tạo biến Multiple

CHƯƠNG 3: MÃ HÓA VÀ NHẬP LIỆU TRONG SPSS

3.1. Nguyên tắc mã hóa dữ liệu

3.2. Xác định cấu trúc của dữ liệu

- 3.3. Xác lập bảng danh sách bảng mã hóa
- 3.4. Tiến hành mã hóa biến trên SPSS
- 3.5. Kiểm tra dữ liệu nhập vào để làm sạch dữ liệu
- 3.6. Cách tìm và sửa dữ liệu nhập sai
- 3.7. Các thao tác biến đổi trên biến

CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRONG SPSS

- 4.1. Mục đích của việc phân tích dữ liệu
- 4.2. Bản chất của phân tích thống kê
- 4.3. Lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp với đề tài nghiên cứu

CHƯƠNG 5: THỐNG KÊ MÔ TẢ TRONG SPSS

- 5.1. Vai trò của phân tích thống kê mô tả trong nghiên cứu khoa học
- 5.2. Những đại lượng thống kê mô tả thường được sử dụng
- 5.3. Lập bảng phân bố tần suất
- 5.4. Lập bảng tổng hợp nhiều biến
- 5.5. Lập bảng phân tích mối liên hệ giữa 2 biến định tính
- 5.6. Lập bảng phân tích mối liên hệ nhiều biến
- 5.7. Lập bảng phân tích mối liên hệ khi có biến Multiple

CHƯƠNG 6: KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT TRONG SPSS

- 6.1. Mục đích và ý nghĩa của kiểm định
- 6.2. Kiểm định mối liên hệ hai biến định tính
- 6.3. Kiểm định trung bình 1 mẫu (One Sample T-test)
- 6.4. Kiểm định trung bình của hai mẫu độc lập (Independent Sample T-test)
- 6.5. Kiểm định trung bình nhiều mẫu (phân tích phương sai một yếu tố (One Way-Anova F-test))
- 6.6. Kiểm định phi tham số
- 6.7. Kiểm định hai mẫu phụ thuộc

CHƯƠNG 7: PHÂN TÍCH TƯƠNG QUAN VÀ HỒI QUY TRONG SPSS

- 7.1. Phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính đơn giản
- 7.2. Phân tích hồi quy đa biến
- 7.3. Hồi quy Logit
- 7.4. Hồi quy Probit
- 7.5. Xây dựng và đánh giá độ tin cậy thang đo Likert
- 7.6. Phân tích nhân tố khám phá

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Hoàng Phụng (1997), *Thống kê xác suất trong nghiên cứu giáo dục và khoa học xã hội*; NXB Giáo dục, Hà Nội.

1. Trịnh Hoài Sơn (2009), *Giáo trình phát triển ứng dụng trong quản lý*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

2. Hàn Viết Thuận (2010), *Giáo trình Tin học ứng dụng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

3. Ngô Thị Thuận (2006), *Giáo trình nguyên lý thống kê kinh tế (Dùng cho sinh viên các ngành: Kinh tế, Kế toán, Kinh doanh và Quản trị doanh nghiệp)*; NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Thống kê, Hà Nội.

5. Hoàng Trọng (1999), *Phân tích dữ liệu đa biến ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh*, NXB Thống kê.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

6. Arthur Griffith (2010), *SPSS For Dummies*, Wiley Publishing.

7. Darren George, Paul Mallery (2011), *IBM SPSS Statistics 19 Step by Step: A Simple Guide and Reference*, Pearson.

8. Julie Pallant, *SPSS Survival Manual: A Step by Step Guide to Data Analysis Using IBM SPSS*, Allen & Unwin, 2013.

6 Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%)

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ LƯỢNG

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Kinh tế lượng**
- Tên tiếng anh: Econometrics
- Mã số: **QLKT308**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2; Thực hành: 1.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên:
 - 1. TS. Nguyễn Thị Dương Nga**
 - 2. PGS. TS. Nguyễn Mậu Dũng**
 - 3. TS. Diêm Đăng Huân**
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản và các công cụ toán học về phân tích mối quan hệ kinh tế, phân tích sự khác biệt về kinh tế xã hội và các nhân tố ảnh hưởng đến biến số thể hiện mục tiêu kinh tế. Đồng thời phân tích sự khác biệt giữa các biến số kinh tế bằng bảng số liệu. Nghiên cứu và tổng hợp một số mô hình phân tích kinh tế dạng định lượng.

3. Mục tiêu của học phần

**Về kiến thức:*

- Học phần sẽ giới thiệu những phương pháp phân tích kinh tế chuẩn mực để ước lượng các quan hệ giữa những biến số kinh tế được quan sát và để kiểm định các giả thuyết về các mối quan hệ kinh tế đó;

- Ngoài ra, môn học sẽ giúp cho các nhà kinh tế ứng dụng các lý thuyết kinh tế vi mô và vĩ mô định dạng, ước lượng, kiểm định và dự báo các biến số kinh tế vi mô và vĩ mô bằng các mô hình kinh tế lượng.

**Về kỹ năng:*

- Ước lượng và kiểm định giả thuyết, giả thiết các mô hình kinh tế;
- Phân tích và dự báo các mô hình kinh tế dưới dạng hồi quy tuyến tính đơn và hồi quy tuyến tính nhiều chiều.
- Ứng dụng các phần mềm tin học để xử lý số liệu, phân tích và dự báo kinh tế.

- Phân tích và đánh giá công trình nghiên cứu định lượng của các nhà kinh tế trong nước và ngoài nước.

- Sử dụng phương pháp phân tích định lượng để mô tả các mối quan hệ kinh tế trong thực tế, từ đó làm luận cứ cho việc đề nghị các gợi ý chính sách.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG MỐI QUAN HỆ KINH TẾ XÃ HỘI

- 1.1. Tổng quan mô hình đa biến (phần ôn tập kinh tế lượng)
- 1.2. Giới thiệu các mô hình kinh tế cơ bản
- 1.3. Kết nối dữ liệu với các mô hình lý thuyết và thực nghiệm
- 1.4. Gợi ý chính sách

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH CÁC MỐI QUAN HỆ KINH TẾ BẰNG CÁC DẠNG HÀM THÍCH NGHI

- 2.1. Mục đích nghiên cứu nhà kinh tế
- 2.2. Phân tích các ứng dụng kinh tế từ các dạng hàm thích nghi phổ biến
- 2.3. Liên kết các dạng hàm thích nghi với mô hình lý thuyết và dữ liệu

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH SỰ KHÁC BIỆT KINH TẾ XÃ HỘI CỦA CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BIẾN SỐ KINH TẾ MỤC TIÊU

- 3.1. Tổng quát mô hình kinh tế lượng có biến định tính
- 3.2. Giới thiệu các mô hình kinh tế có biến định tính
- 3.3. Liên kết mô hình và dữ liệu thực tế

CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH XÁC SUẤT KHÁC BIỆT CỦA BIẾN SỐ KINH TẾ THEO CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

- 4.1. Tổng quan các mô hình kinh tế lượng liên quan
- 4.2. Các tình huống phân tích xác suất khác biệt
- 4.3. Liên kết mô hình và dữ liệu

CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ BẰNG DỮ LIỆU BẢNG

- 5.1. Sự cần thiết phải phân tích sự khác biệt kinh tế xã hội theo thời gian
- 5.2. Giới thiệu công cụ dữ liệu bảng
- 5.3. Tổng quan các mô hình kinh tế lượng xử lý dữ liệu bảng
- 5.4. Xây dựng mô hình bằng phần mềm chuyên dụng
- 5.5. Gợi ý chính sách từ kết quả mô hình

CHƯƠNG 6: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ TỔNG HỢP MỘT MÔ HÌNH PHÂN TÍCH KINH TẾ DẠNG ĐỊNH LƯỢNG

- 6.1. Tổng quan lý thuyết và bằng chứng

- 6.2. Xác định vấn đề nghiên cứu
- 6.3. Xây dựng mô hình nghiên cứu bằng dữ liệu thực
- 6.4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Quang Dong (2012), *Giáo trình kinh tế lượng*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
2. Nguyễn Quang Dong (2006), *Bài tập Kinh tế lượng với sự trợ giúp của phần mềm Eviews*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
3. Nguyễn Quang Dong (2002), *Kinh tế lượng nâng cao*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
4. Nguyễn Thống (2000), *Kinh tế lượng ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
5. Bùi Phúc Trung (2009), *Giáo trình Kinh tế lượng*, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

5.1. Tài liệu tiếng Anh

6. Hansen, Bruce E. (2004), *Econometrics*, University of Wisconsin.
7. Greene, William (2003), *Econometric Analysis*, 5th edition, MacMillan Publishing Company.
8. Wooldridge, Jeffrey M. (2001), *Econometric Analysis of Cross Section and Panel Data*, The MIT Press.

6 Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi
- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (02 bài)
 - Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ
 - Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%)

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý kinh tế**
- Tên tiếng anh: **Research Methodology in Economic Management**
- Mã số: **QLKT309**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2; Thực hành: 1.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. TS. Nông Hữu Tùng**
2. PGS. TS. Nguyễn Tuấn Sơn
- Bộ môn: **Kinh tế**

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng tổ chức và thực hiện một nghiên cứu độc lập; cấu trúc cơ bản của nghiên cứu; quá trình nghiên cứu; các phương pháp cơ bản sử dụng trong phân tích, xử lý thông tin kinh tế và quản lý; và viết bài cho tạp chí. Đây là học phần giúp học viên phối kết hợp các kiến thức của các môn học khác nhau trong chương trình.

Trong chương trình cao học, các nội dung đều là bậc nâng cao và định hướng nghiên cứu độc lập. (cụ thể trong chương trình đại học nội dung xây dựng đề cương nghiên cứu cũng được đề cập nhưng không phải dạng khung logic (logframe).

3. Mục tiêu của học phần

**Về kiến thức:*

- Học viên có thể tự xác định được vấn đề nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực của mình làm việc; xây dựng kế hoạch và triển khai nghiên cứu độc lập.
- Biết cách phân tích một bài báo khoa học; thực hành xây dựng một đề cương nghiên cứu khoa học.

**Về kỹ năng:*

- Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện quá trình nghiên cứu.
- Xác định được vấn đề nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu.
- Xây dựng đề cương nghiên cứu và lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp.
- Lập kế hoạch nghiên cứu, triển khai tổ chức thu thập và xử lý tài liệu, trình bày và công bố kết quả nghiên cứu khoa học .

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: QUÁ TRÌNH VÀ CẤU TRÚC NGHIÊN CỨU

- 1.1. Cấu trúc của nghiên cứu
- 1.2. Quá trình nghiên cứu
- 1.3. Giai đoạn kế hoạch nghiên cứu
- 1.4. Giai đoạn thực hiện nghiên cứu
- 1.5. Xây dựng đề cương nghiên cứu
- 1.6. Một số nội dung cần chú ý khi làm nghiên cứu

CHƯƠNG 2: THU THẬP SỐ LIỆU VÀ THÔNG TIN

- 2.1. Vai trò của thông tin trong nghiên cứu
- 2.2. Tìm kiếm thông tin
- 2.3. Các phương pháp thu thập số liệu/dữ liệu định tính
- 2.4. Các phương pháp thu thập số liệu/dữ liệu định lượng
- 2.5. Kỹ thuật xây dựng bảng hỏi

CHƯƠNG 3: XỬ LÝ, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU VÀ THÔNG TIN

- 3.1. Kiểm tra và mã hóa số liệu/thông tin
- 3.2. Các phương pháp phân tích thông tin/dữ liệu định tính
- 3.3. Các phương pháp phân tích thông tin/dữ liệu định lượng

CHƯƠNG 4: TRÌNH BÀY VÀ PHỔ BIẾN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

- 4.1. Phương pháp viết báo cáo khoa học
- 4.2. Phân tích dữ liệu/thông tin và Kiểm định giả thuyết
- 4.3. Viết bài cho tạp chí (thẩm định)
- 4.4. Phổ biến kết quả nghiên cứu

CHƯƠNG 5: LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP CAO HỌC

- 5.1. Những quy định chung
- 5.2. Sự khác biệt giữa luận văn và các báo cáo khoa học khác
- 5.3. Một số quy định cụ thể về luận văn cao học
- 5.5. Viết luận văn
- 5.6. Báo cáo luận văn
- 5.7. Những rủi ro thường gặp khi làm nghiên cứu và luận văn

5. Tài liệu học tập

5.1 Tài liệu tiếng việt

1. Agnes C. Rola và Lê Thành Nghiệp (2005), *Phương pháp nghiên cứu Kinh tế nông nghiệp*, người dịch Nguyễn Quốc Chính, Nguyễn Thị Minh Hiền, Nguyễn Văn Song và Nguyễn Tuấn Sơn, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Cành (2004), *Giáo trình Phương pháp và Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học kinh tế*, NXB Đại học quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Trần Tiến Khai (2009). *Phương pháp nghiên cứu kinh tế*. Khoa Kinh tế phát triển - Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
4. Vũ Cao Đàm (2006). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Khoa học – Kỹ thuật, Hà Nội.
5. Phạm Văn Hùng và Nguyễn Quốc Chính (2005), ‘Ứng dụng phần mềm FRONTIER 4.1 và LIMDEP trong phân tích dữ liệu kinh tế nông nghiệp’, trong sách ‘*Tin học ứng dụng trong ngành nông nghiệp*’, Nguyễn Hải Thanh chủ biên, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, trang 86-114.
6. Kim Ngọc Huỳnh (1995). *Lý thuyết thống kê*. NXB Thống kê, Hà Nội.
7. Trung Nguyên (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu*, NXB Lao động Xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Phạm Văn Quyết và Nguyễn Quý Thanh (2001), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. Phương Ký Sơn (2001). *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS - Tập 1*. NXB Hồng Đức, Hồ Chí Minh.
11. Tô Dũng Tiến (2003). Bài giảng Phương pháp nghiên cứu kinh tế, Hà Nội.
12. Phạm Viết Vượng (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

13. Anaman, Kwabena A. (2003), *Research Methods in Applied Economics and Other Social Sciences*, Brunei Press Sendirian Berhad, Brunei Darussalam.
14. Geoffrey Marczyk, David DeMatteo, and David Festinger (2005), *Essentials of Research Design and Methodology*, John Wiley & Sons, Inc.
15. Sharp, John A. and Keith Howard (1996), *The Management of a Student Research Project*, Second Edition, Gower Publishing Limited, England.
16. Trochim, William M.K. (2002), *The Research Methods Knowledge Base, Second Edition*, Cornell University Press, Ithaca, New York.

17. Wolfe, Joe, 'How to Write a PhD Thesis', The University of New South Wales, Sydney, Australia.

Available Online: <http://www.phys.unsw.edu.au/~jw/thesis.html>.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%)

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LUẬT KINH TẾ**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Luật kinh tế**
- Tên tiếng anh: **Economic Laws**
- Mã số: **QLKT311**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5; Thực hành 0,5.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. TS. Nguyễn Hải Nam**
2. NCS. Ths. Nguyễn Thị Thu Thanh
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả môn học:

Các nội dung của học phần này cập nhật những vấn đề chuyên sâu của Luật kinh tế và được xây dựng dưới dạng các chuyên đề gồm: Lý luận về quyền tự do kinh doanh; thành lập và quản trị các chủ thể kinh doanh; hợp đồng thương mại và tài pháp kinh tế; pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong mỗi chuyên đề bao gồm các nội dung có liên quan mật thiết với nhau, phản ánh những khía cạnh đa chiều về một chủ đề cốt lõi. Thông qua phương pháp tiếp cận theo hướng tăng cường thảo luận, trao đổi hai chiều giữa giảng viên với học viên, nội dung các chuyên đề nhấn mạnh đến việc áp dụng các quy định của Luật kinh tế trong thực tiễn đời sống

3. Mục tiêu của học phần:

**Về kiến thức :*

- Nắm bắt và cập nhật được đầy đủ các nội dung học phần Luật kinh tế như: quyền tự do kinh doanh, thành lập, quản trị các chủ thể kinh doanh;
- Hiểu đầy đủ về pháp luật hợp đồng thương mại và giải quyết tranh chấp kinh doanh;
- Hiểu và nắm bắt được đầy đủ nội dung, trình tự, thủ tục giải quyết khi doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

**Về kỹ năng:* Biết cách tìm kiếm, vận dụng các kiến thức pháp lý về luật kinh tế để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo, bao gồm:

- Hiểu và áp dụng đúng quyền tự do kinh doanh, thành lập doanh nghiệp...
- Có thể áp dụng các mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu của từng đơn vị;
- Vận dụng nhuần nhuyễn pháp luật về hợp đồng thương mại và tìm ra giải pháp tối ưu để giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh;
- + Có kỹ năng tư duy lý luận trong nghiên cứu pháp luật thực định, sâu chuỗi và đánh giá tổng quát một lĩnh vực pháp luật;

+ Tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách - pháp luật kinh tế.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TỰ DO KINH DOANH

1.1. Quan niệm về quyền tự do kinh doanh

1.2. Thực tiễn quy định về quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam

1.3. Hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam

CHƯƠNG 2 : PHÁP LUẬT VỀ THÀNH LẬP VÀ QUẢN TRỊ CÁC CHỦ THỂ KINH DOANH

2.1. Quy chế pháp lý chung về thành lập và tổ chức quản lý của các chủ thể kinh doanh

2.2. Quản trị các chủ thể kinh doanh

2.3. Pháp luật về đầu tư

2.4. Pháp luật cạnh tranh

CHƯƠNG 3 : PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÀ TÀI PHÁP KINH TẾ

3.1. Pháp luật hợp đồng thương mại

3.2. Thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ theo pháp Luật Việt Nam và quốc tế

3.3. Tài phán kinh tế

3.3.4. Thi hành án kinh tế

CHƯƠNG 4 : PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ

4.1. Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

4.2. Những bất cập trong việc thực hiện pháp luật phá sản hiện nay

5. Tài liệu học tập

1. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (sửa đổi năm 2013), NXB Đồng Nai, Đồng Nai.

2. Chỉ dẫn áp dụng các điều và văn bản Bộ Luật dân Sự Việt Nam (năm 2005-2014), NXB Hồng Đức, Hồ Chí Minh.

3. Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn (2014), NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.

4. Luật Đầu tư (2014), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. Luật Thương mại (2005), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Luật Cạnh tranh (2004), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Luật Trọng tài thương mại (2010), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9. Luật hợp tác xã (2012), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KT-XH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Kế hoạch và chiến lược phát triển KT-XH**
- Tên tiếng anh: **Socio-Economic Development Strategy and Planning**
- Mã số: **QLKT311**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5; Thực hành 0,5.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. PGS. TS. Nguyễn Mậu Dũng**
2. PGS. TS. Bùi Bằng Đoàn
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức về bản chất và phương pháp tiếp cận của kế hoạch và chiến lược phát triển, nội dung của kế hoạch và chiến lược phát triển, trình tự xây dựng; tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá chiến lược và kế hoạch phát triển trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức:*

- Nắm chắc bản chất, nội dung và các phương pháp tiếp cận kế hoạch cũng như chiến lược phát triển KTXH.

- Nhận thức đầy đủ, rõ ràng trình tự xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá, giám sát các kế hoạch và chiến lược phát triển ở các Bộ ngành, địa phương và của tổ chức kinh tế-xã hội.

** Về kỹ năng:*

- Vận dụng được một số phương pháp/công cụ hoạch định, thực thi, giám sát – đánh giá các kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế-xã hội trong thực tiễn.

- Biết chủ động xây dựng và hoàn thiện các kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và đất nước; trên cơ sở đó tổ chức tốt việc thực hiện, kiểm tra, đánh giá và giám sát hiệu quả các kế hoạch và chiến lược đó.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CỦA KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 1.1. Khái niệm kế hoạch phát triển, Chiến lược phát triển
- 1.2. Phân loại Kế hoạch và chiến lược phát triển
- 1.3. Bản chất của kế hoạch và chiến lược phát triển
- 1.4. Căn cứ xây dựng KH
- 1.5. Nguyên tắc xây dựng KH
- 1.6. Phân cấp trong xây dựng KH và chiến lược phát triển
- 1.7. Phương pháp tiếp cận trong xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 2.1. Nội dung của kế hoạch phát triển
- 2.2. Nội dung của chiến lược phát triển
- 2.3. Cấu trúc của KH và chiến lược phát triển

CHƯƠNG 3: TRÌNH TỰ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 3.1. Tổ chức nhóm xây dựng KH và chiến lược phát triển
- 3.2. Tổ chức xây dựng KH và chiến lược phát triển
- 3.3. Thu thập thông tin
- 3.4. Tổ chức thẩm định kế hoạch và chiến lược phát triển

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 4.1. Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển
- 4.2. Tổ chức thực hiện chiến lược phát triển

CHƯƠNG V: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 5.1. Giám sát
- 5.2. Đánh giá

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Đỗ Kim Chung (2008), *Kế hoạch và chiến lược phát triển*, Bài giảng cho Plan-International Vietnam.
2. Đỗ Kim Chung (2008), *Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội*, Bài giảng cho dự án Cải cách hành chính ở Hậu Giang, 9-20/9/2008, Hậu Giang.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

3. Michael Common (2000), *Sustainability and Policy: Limits to Economics*, Cambridge University Press.
4. World Bank (2007), *World Development Report*, Washington DC.

5. Asian Development Bank (2007), *Development Report*, Washington DC.

6 Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ PHÁT TRIỂN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Kinh tế phát triển**
- Tên tiếng anh: **Economics of Development**
- Mã số: **QLKT312**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5; Thực hành 0,5.**
- Học phần tiên quyết: **Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô**
- Giảng viên: **1.TS. Nông Hữu Tùng**
2.TS. Đồng Thị Vân Hồng
- Bộ môn: **Kinh tế**

2. Mô tả học phần

Cung cấp những lý thuyết về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển: một số vấn đề liên quan đến tăng trưởng và phát triển; các học thuyết về kinh tế phát triển; các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế: lao động, vốn, tài nguyên và công nghệ; một số vấn đề xã hội và sự phát triển kinh tế; quan hệ quốc tế và sự phát triển kinh tế; các mô hình phát triển và vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam.

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức:*

- Giúp học viên có những kiến thức nâng cao về Kinh tế phát triển.
- Học viên biết ứng dụng các lý thuyết về kinh tế phát triển trong nghiên cứu và quản lý phát triển.

** Về kỹ năng:*

- Nhận định, phân tích và đánh giá đầy đủ các khía cạnh của nền kinh tế, cũng như thực trạng quá trình phát triển kinh tế của các nước trên thế giới, nhất là các nước đang phát triển như Việt Nam và các địa phương trong cả nước.
- Nghiên cứu và đề xuất được các giải pháp có căn cứ khoa học nhằm phát triển kinh tế đất nước và địa phương một cách bền vững.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU

- 1.1. Những vấn đề chính của kinh tế học phát triển
- 1.2. Các quan điểm về phát triển

- 1.3. Nội dung của kinh tế học phát triển
- 1.4. Đo sự phát triển của một quốc gia
- 1.5. Các đặc điểm chung của các nước đang phát triển

CHƯƠNG 2: CÁC HỌC THUYẾT VỀ KINH TẾ PHÁT TRIỂN

- 2.1. Mô hình phát triển kinh tế xã hội theo giai đoạn tuyến tính
- 2.2. Học thuyết về mô hình thay đổi cấu trúc
- 2.3. Sự phụ thuộc lẫn nhau trong phạm vi quốc tế
- 2.4. Học thuyết phát triển tân cổ điển và thị trường tự do
- 2.5. Học thuyết phát triển kinh tế hiện đại

CHƯƠNG 3: NGUỒN LỰC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN

- 3.1. Lao động với phát triển kinh tế
- 3.2. Tài nguyên thiên nhiên và môi trường với phát triển kinh tế
- 3.3. Vốn với phát triển kinh tế
- 3.4. Khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế

CHƯƠNG 4: CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN

- 4.1. Nghèo đói, bất bình đẳng và sự phát triển
- 4.2. Dân số và sự phát triển kinh tế
- 4.3. Việc làm, đô thị hóa và di cư nông thôn thành thị
- 4.4. Nguồn nhân lực: giáo dục và sức khỏe với sự phát triển kinh tế
- 4.5. Chuyển dịch nông nghiệp và sự phát triển nông thôn
- 4.6. Môi trường và sự phát triển

CHƯƠNG 5: QUAN HỆ QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN

- 5.1. Thương mại quốc tế và sự phát triển
- 5.2. Tài chính quốc tế: đầu tư và viện trợ

CHƯƠNG 6: HOẠCH ĐỊNH PHÁT TRIỂN

- 6.1. Bối cảnh phát triển
- 6.2. Các mô hình phát triển kinh tế
- 6.3. Đường lối và Chiến lược phát triển của Việt Nam

5. Tài liệu học tập

5.1 Tài liệu tiếng việt

1. Khoa Kinh tế phát triển (2005). *Giáo trình kinh tế học phát triển*. Học viện chính trị quốc gia HCM.
2. Học viện Chính trị khu vực I (2008). *Kinh tế phát triển*. NXB Thống kê, Hà Nội.
3. Ngô Thắng Lợi (2012). *Giáo trình phát triển kinh tế*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

4. Vũ Thị Ngọc Phùng (2005). *Giáo trình kinh tế phát triển*. NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Quang Thái, Ngô Thắng Lợi (2007). *Phát triển bền vững ở Việt Nam*. NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Đức Thành (2010). *Lựa chọn để tăng trưởng bền vững ở Việt Nam*. NXB Tri thức.
7. Nguyễn Kế Tuấn (từ 2005-2011). *Kinh tế Việt Nam*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

8. Michael P. Todato (2006). *Economic Development*.
9. Debraj Ray (1998). *Development Economics*. Boston University.
10. Gerald M.Meier (1995). *Leading Issues in Economic Development*. Oxford University Press.
11. UNDP (2005). *Human Development Report 2004*.
12. UNDP (2008). *Human Development Report 2007*.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

- Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi
- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)
 - Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ
 - Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. *Kiểm tra đánh giá thường xuyên* (trọng số 10%)

7.2. *Kiểm tra đánh giá định kỳ* (trọng số 40%)

7.3. *Thi cuối kỳ* (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Quản lý nhà nước về kinh tế**
- Tên tiếng anh: **State Management on Economy**
- Mã số: **QLKT313**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5; Thực hành 0,5.**
- Học phần tiên quyết: **Khoa học quản lý**
- Giảng viên:
 - 1. PGS.TS. Nguyễn Quang Hà**
 - 2. PGS.TS. Nguyễn Tuấn Sơn**
 - 3. PGS. TS. Nguyễn Mậu Dũng**
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Cung cấp những lý thuyết cơ bản về nền kinh tế thị trường và vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế; bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; công cụ, phương thức và ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; Quản lý nhà nước đối với các ngành và tổ chức kinh tế.

3. Mục tiêu môn học

** Về kiến thức:*

Cung cấp những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về những nguyên lý khoa học hiện đại trong quản lý nhà nước về kinh tế, đặc biệt là những nội dung và các công cụ quản lý Nhà nước về kinh tế nói chung và trong một số ngành, lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế.

**Về kỹ năng:*

Giúp học viên có được phương pháp, kỹ năng phân tích và vận dụng những kiến thức được học vào thực tiễn công tác quản lý Nhà nước, đặc biệt là khả năng hoạch định, phân tích và tổ chức thực thi các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các công cụ, chính sách kinh tế trên phạm vi nền kinh tế, hoặc của địa phương, cũng như trong một số ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể ở nước ta hiện nay.

4. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG 1. NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

- 1.1. Nền kinh tế thị trường và thất bại thị trường
- 1.2. Các vấn đề đặt ra cho quản lý kinh tế

1.3. Nhà nước trong nền kinh tế thị trường

1.4. Vai trò và chức năng của nhà nước trong quản lý kinh tế

CHƯƠNG 2: BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

2.1. Cấu trúc bộ máy, phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế

2.2. Nhân lực cho quản lý nhà nước về kinh tế: yêu cầu, kỹ năng và kiến thức

CHƯƠNG 3: CÔNG CỤ, PHƯƠNG THỨC VÀ RA QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

3.1. Công cụ quản lý của Nhà nước về kinh tế

3.2. Phương thức quản lý của Nhà nước về kinh tế

3.3. Thông tin trong quản lý Nhà nước về kinh tế

3.4. Ra quyết định quản lý nhà nước về kinh tế

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ

4.1. Quản lý phát triển kinh tế-xã hội: (Quy hoạch, đầu tư công, định hướng phát triển)

4.2. Quản lý Nhà nước đối với ngành Nông nghiệp & PTNT: chức năng, nhiệm vụ, nội dung, cơ quan quản lý, phân cấp quản lý

4.3. Quản lý Nhà nước đối với ngành Công nghiệp Chức năng, nhiệm vụ, Nội dung, Cơ quan quản lý, phân cấp quản lý

4.4. Quản lý Nhà nước đối với ngành thương mại và dịch vụ: Chức năng, nhiệm vụ, Nội dung, Cơ quan quản lý, phân cấp quản lý

4.5. Quản lý Nhà nước đối với một số tổ chức kinh tế (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác, ...)

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Đinh Văn Ân và Lê Xuân Bá (2010), *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (sách tham khảo)*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

2. Phan Huy Đường (2010), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về Kinh tế*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

3. Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bửu (2008), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về Kinh tế*, NXB Đại học Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

1. The World Bank (1998), *World Development Report 1997: The State in a Changing World*.

2. Vito Tanzi (1997), *The Changing Role of the State in the Economy: A Historical Perspective*, IMF Working Paper.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Quản lý dự án**
- Tên tiếng anh: **Project Management**
- Mã số: **QLKT314**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2; Thực hành 1.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên:
 - 1. PGS. TS. Bùi Bằng Đoàn**
 - 2. PGS. TS. Ngô Thị Thuận**
 - 3. NCS. Ths. Mai Thị Huyền**

- Bộ môn: **Kế toán**

2. Mô tả học phần :

Cung cấp những kiến thức cơ bản về dự án và chu trình quản lý dự án và chu trìquản lý dự án, cách thức xây dựng dự án; phân tích các chỉ tiêu đánh giá dự án ứng dụng phân tích dự án; quản lý dự án và thẩm định dự án.

3. Mục tiêu của học phần

**Về kiến thức:*

Học phần nhằm trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cập nhật và nâng cao về nhận dạng, xây dựng, tổ chức thực thi và đánh giá các dự án. Giúp học viên nắm chắc hơn cơ sở khoa học và thực tiễn của một dự án.

**Về kỹ năng:*

- Có khả năng nghiên cứu và phân tích, xây dựng và hoàn thiện một dự án cụ thể trong thực tiễn.

- Biết cách tổ chức thực thi, quản lý, đánh giá và thẩm định các dự án có hiệu quả.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: DỰ ÁN VÀ CHU TRÌNH QUẢN LÝ DỰ ÁN

- 1.1. Khái niệm dự án
- 1.2. Phân loại dự án
- 1.3. Chu trình quản lý dự án

1.4. Quản lý dự án

CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG DỰ ÁN

2.1. Nghiên cứu cơ hội đầu tư

2.2. Nghiên cứu tiền khả thi

2.3. Nghiên cứu khả thi

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH DỰ ÁN

3.1. Các chỉ tiêu đánh giá dự án

3.2. Phân tích tài chính

3.3. Phân tích kinh tế dự án

3.4. Đánh giá tổng hợp dự án và một số ứng dụng của phân tích dự án

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ DỰ ÁN

4.1. Những vấn đề cơ bản của quản lý dự án

4.2. Tổ chức quản lý dự án

4.3. Quản lý các hoạt động của dự án

4.4. Quản lý rủi ro dự án

CHƯƠNG 5: THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

5.1. Khái niệm và sự cần thiết phải thẩm định DA

5.2. Ý nghĩa và mục đích thẩm định

5.3. Quy định về thẩm định DA

5.4. Thẩm quyền thẩm định DA

5. Tài liệu học tập:

1. Nguyễn Văn Đáng (2005), *Quản lý dự án*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
2. Nguyễn Ngọc Mai (2002), *Quản lý dự án đầu tư*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội
3. Nguyễn Bạch Nguyệt (2000), *Lập và quản lý dự án đầu tư*, NXB Thống kê, Hà Nội.
4. Từ Quang Phương (2010), *Quản lý dự án*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
5. Nguyễn Xuân Thủy (1995), *Quản trị dự án đầu tư*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%)

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường**
- Tên tiếng anh: **Environmental and Natural Resource Economics and Management**
- Mã số: **QLKT315**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2; Thực hành 1.**
- Học phần tiên quyết: **Kinh tế vi mô**
- Giảng viên:
 - 1. TS. Nguyễn Thực Huy**
 - 2. PGS. TS. Nguyễn Mậu Dũng**
 - 3. PGS. TS. Bùi Bằng Đoàn**
- Bộ môn: **Kinh tế**

2. Mô tả học phần

Môn học sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức nâng cao về vấn đề cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, mất đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu ... trên thế giới đang gia tăng, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc quản lý môi trường, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên và kiểm soát ô nhiễm.

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức:*

- Hiểu đầy đủ hơn về bản chất các mối liên kết giữa hoạt động kinh tế và môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Thông qua hệ thống hóa các lý thuyết cơ bản và nâng cao, các công cụ kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường để đo lường các mối quan hệ nêu trên, giúp đưa ra các quyết định đúng đắn và phù hợp nhằm quản lý tốt nhất môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

** Về kỹ năng:*

- Hiểu và giải thích được bản chất các mối liên kết, tác động qua lại giữa môi trường và tài nguyên thiên nhiên với các hoạt động kinh tế.

- Hiểu và vận dụng được cách giải quyết các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng các công cụ kinh tế phù hợp.

- Vận dụng bước đầu các kỹ thuật định giá phù hợp khác nhau để lượng hóa bằng tiền các tác động môi trường của các hoạt động kinh tế/chương trình/chính sách.

- Hiểu và áp dụng được phân tích lợi ích-chi phí trong việc phân tích, thẩm định các dự án quản lý môi trường/tài nguyên thiên nhiên khác nhau.

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức liên quan đến các chính sách về môi trường và phát triển bền vững trong thực tế.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Những khái niệm cơ bản

1.2. Nguyên nhân của suy thoái tài nguyên môi trường

CHƯƠNG 2: ĐỊNH GIÁ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

2.1. Những khái niệm cơ bản

2.2. Tổng quan về các phương pháp định giá tài nguyên môi trường

2.3. Các phương pháp dựa vào thị trường (Market-based techniques)

2.4. Nhóm các phương pháp thị trường đại diện

2.5. Phương pháp thị trường giả định

2.6. Phương pháp chuyển đổi lợi ích (Benefit transfer)

CHƯƠNG 3: KINH TẾ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

3.1. Tài nguyên có thể tái sinh

3.2. Tài nguyên không thể tái sinh

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

4.1. Tổng quan về quản lý môi trường

4.2. Công cụ quản lý môi trường

4.3. Phân tích lợi ích- chi phí (CBA)

4.4. Hạch toán môi trường

4.5. Sử dụng các công cụ chính sách trong quản lý môi trường

5. Tài liệu học tập

5.1 Tài liệu tiếng Việt

1. Lê Huy Bá (2002), *Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2. Nguyễn Thế Chinh và tập thể tác giả, 2003. *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội

3. Nguyễn Ngọc Dung (2010), *Quản lý tài nguyên và môi trường*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

4. Lê Thị Hoàng, 1999. *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê, Tp. Hồ Chí Minh.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

5. Asafu-Adjaye, J. (2005). *Environmental economics for non economists*, 2nd Edition, World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd, The University of Queensland.

6. Field, B., and Olewiler, N.D. (2005). *Environmental Economics*, Second Edition, McGraw-Hill Ryerson Ltd.
7. Hartwich J.M. and Oliwiler, N.D, 1998. *The Economics of Natural Resorce Use*, Addison-Wesley Publisher Limited, Ontario.
8. Hussen, A. M. (2000). *Principles of Environmental Economics: Economics, Ecology and Public Policy*. Routledge Publisher.
9. Markandya, A. et al. (2002). *Environmental Economics for Sustainable Growth: A Handbook for Practitioners*, EE.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)
- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ
- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%)

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ CÔNG

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chính sách và quản lý công**
- Tên tiếng Anh: **Public Policy and Management**
- Mã số: **QLKT316**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5; Thực hành: 0,5.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. PGS.TS. Nguyễn Quang Hà**
2. TS. Nguyễn Thực Huy
3. NCS – Ths. Nguyễn Thị Thu Thanh
- Bộ môn: **Kinh tế**

2. Mô tả học phần

Học phần Chính sách và quản lý công sẽ cung cấp các kiến thức hệ thống, cập nhật về chính sách công, bao gồm: Cơ sở khoa học của chính sách công; bản chất của chính sách công; cấu trúc và hình thức biểu hiện của chính sách công; chu trình chính sách công; hoạch định chính sách công; các phương pháp cơ bản phân tích chính sách công; tổ chức thực hiện chính sách công; giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực thi chính sách công; và thu thập thông tin phản hồi về việc thực thi chính sách công.

3. Mục tiêu học phần:

Về mặt kiến thức: Sau khi học xong học phần, học viên nắm được những kiến thức hệ thống, cơ bản và cập nhật về công tác xây dựng, tổ chức thực thi, đánh giá và phân tích chính sách công.

Về mặt kỹ năng: Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng tổ chức thực thi chính sách công, áp dụng các phương pháp phân tích chính sách công vào thực tiễn công tác chính sách.

4. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CHÍNH SÁCH CÔNG

1.1. Những lý luận cơ bản về chính sách

1.1.1. Khái niệm về chính sách

1.1.2. Môi trường chính sách

1.1.3. Chu kỳ chính sách

1.1.4. Cấu trúc và hình thức biểu hiện của chính sách

1.2. Chính sách công

1.2.1. Bản chất của chính sách công

1.2.2. Vai trò của chính sách công

1.2.3. Chính sách công và thể chế chính trị

CHƯƠNG 2 : HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH CÔNG

2.1. Cơ sở hoạch định chính sách công

2.1.1. Vai trò của công các hoạch định chính sách công

2.1.2. Các yêu cầu trong hoạch định chính sách công

2.1.3. Một số mô hình lý thuyết trong hoạch định chính sách công

2.2. Nội dung hoạch định chính sách công

2.2.1. Xác định vấn đề chính sách

2.2.2. Xác định mục tiêu

2.2.3. Xây dựng và lựa chọn phương án chính sách

2.2.4. Thể chế hóa chính sách công

CHƯƠNG 3 : PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH CÔNG

3.1. Cơ sở khoa học của phân tích chính sách công

3.1.1. Mục tiêu của phân tích chính sách công

3.1.2. Nhiệm vụ của phân tích chính sách công

3.1.3. Thông tin trong phân tích chính sách công

3.2. Phương pháp phân tích chính sách công

3.2.1. Phương pháp kinh tế vĩ mô trong phân tích chính sách công

3.2.2. Phương pháp kinh tế vi mô trong phân tích chính sách công

3.3. Tổ chức hoạt động phân tích chính sách công

CHƯƠNG 4 : TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CÔNG

4.1. Công tác chuẩn bị cho thực thi chính sách công

4.2. Tổ chức thực thi chính sách công

4.3. Tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá thực thi chính sách công

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu Tiếng Việt

1. Đỗ Kim Chung (2009), *Chính sách công*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

2. Ngô Đức Cát- Vũ Đình Thắng (2004), *Phân tích chính sách Nông nghiệp, Nông thôn*, NXB Thống kê, Hà Nội.

3. Phạm Văn Khôi (2007), *Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn*, NXB Đại học KTQD, Hà Nội.

5.2. Tài liệu Tiếng Anh

4. Fischer, F., G. J. Miller and M. S. Sidney (2007), *Handbook of Public Policy Analysis*, CRC Press

5. Frank Ellis (2003), *Agricultural Policies in Developing Countries*, Cambridge University Press

6. Weimer D.L (1999), *Policy analysis: concept and practicies*, IRWIN Inc.USA.

6 Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (2 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
KỸ NĂNG RA QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên môn học: **Kỹ năng ra quyết định trong quản lý**
- Tên tiếng anh: Decision Making Skills in Management
- Mã số: **QLKT317**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 1,5, Thực hành: 1,5.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. PGS.TS. Ngô Thị Thuận**

2. TS. Trần Văn Đức

3. Ths. Nguyễn Thị Ứng

- Bộ môn: **Kinh tế**

2. Mô tả học phần

Môn học này nghiên cứu về tổng quan lý thuyết ra quyết định; tối ưu hóa trong nền kinh tế thị trường; sử dụng các mô hình toán để tối ưu hóa; tối ưu hóa sử dụng các mô hình kinh tế lượng; sử dụng phương pháp phân tích phương sai để lựa chọn quyết định; ứng dụng các chỉ tiêu tài chính trong việc lựa chọn quyết định; các yếu tố định tính ảnh hưởng đến việc ra quyết định và hướng lựa chọn; rủi ro trong việc ra quyết định.

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong, học viên có khả năng

**Về kiến thức:*

- Giúp học viên nắm vững các phương pháp mô hình hóa và cách xây dựng các mô hình toán học thích hợp trong phân tích kinh tế để ra các quyết định.

- Áp dụng các mô hình toán học vào việc phân tích và ra các quyết định trong sản xuất và tiêu dùng.

**Về kỹ năng:*

- Vận dụng tốt các chính sách quản lý trong việc ra quyết định ;

- Sử dụng thành thạo các công thức và mô hình ứng dụng trong việc phân tích kinh tế và ra quyết định.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Lý thuyết về mô hình hóa

1.2. Sử dụng mô hình trong việc phân tích ra quyết định

1.3. Phương pháp xây dựng mô hình

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA GIẢI TÍCH TRONG PHÂN TÍCH VÀ RA QUYẾT ĐỊNH

2.1. Tính giá trị hiện tại và giá trị tương lai của tiền tệ

2.2. Tính lãi gộp liên tục

2.3. Kỳ khoản và giá trị các luồng vốn

2.4. Ứng dụng của vi phân trong phân tích kinh tế

2.5. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế

2.6. Ứng dụng của tích phân trong phân tích kinh tế

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH TỐI ƯU HÓA SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG

3.1 . Mô hình bài toán

3.2 . Mô hình bài toán chỉ có một biến lựa chọn

3.3 . Mô hình bài toán có nhiều biến lựa chọn

3.4 . Tối ưu hoá với các ràng buộc đẳng thức, phương pháp nhân tử Lagrang

CHƯƠNG 4: MÔ HÌNH BÀI TOÁN QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH

4.1 . Mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính

4.2 . Bài toán quy hoạch tuyến tính tổng quát

4.3 . Phương pháp đơn hình giải bài toán quy hoạch tuyến tính

4.4 . Kỹ thuật biến giả giải bài toán quy hoạch tuyến tính

4.5 . Bài toán đối ngẫu

4.6 . Phân tích đối ngẫu và phân tích lựa chọn

CHƯƠNG 5: RA QUYẾT ĐỊNH TRONG ĐIỀU KIỆN BẤT ĐỊNH

5.1 . Mô hình bài toán

5.2 . Các nguyên tắc ra quyết định

5.3 . Ứng dụng trong thực tiễn sản xuất

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Lê Đình Thúc (1998), *Toán giải tích dành cho các nhà kinh tế*. Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

2. Hoàng Đình Tuấn, Nguyễn Quang Đông, Ngô Văn Thứ (1998), *Mô hình toán kinh tế*, Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

3. A. C. Chiang (1984-third edition), *Fundamental methods of mathematical economics*. McGraw-Hill, Singapore.

4. H. A. Taha (1982-third edition), *Operation research: An introduction*, Macmillan Publishing Company, New York.
5. Intriligator (1971), *M: Mathematical optimization and economic theory*, Prentice-Hall.
6. Kolman. B and R. E. Beck (1980), *Elementary linear programming with applications*. Academic Press, New York.
7. R. Beneke and R. Winterboer (1973), *Linear programming applications to agriculture*. Iowa State University Press, Iowa.
8. W.J. Boumol (1997), *Economic theory and operation research analysis*, Prentice Hall, Inc, New Jersey.

6 Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận, làm đồ án (3 bài)
- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ
- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÂM LÝ HỌC LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Tâm lý học lãnh đạo quản lý**
- Tên tiếng anh: Leadership Psychology
- Mã số: **QLKT318**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5, Thực hành: 0,5.**
- Học phần tiên quyết: **Tâm lý học đại cương**
- Giảng viên: **1. TS. Đặng Xuân Anh**
2. TS. Vũ Phạm Diệp Trà
3. PGS. TS. Nguyễn Mậu Dũng
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề cấp thiết của tâm lý học lãnh đạo quản lý hiện nay. Những hiện tượng tâm lý trong hoạt động quản lý và lãnh đạo, nhân cách những người lãnh đạo trong quản lý, uy tín người lãnh đạo, quản lý, những yếu tố tâm lý trong công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ, yếu tố tâm lý trong các quá trình kinh tế xã hội.

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức:*

- Sau khi học xong học phần này học viên có được những tri thức kỹ năng và phương pháp tâm lý cơ bản để phân tích, tác động tâm lý đối với con người và các nhóm xã hội khác nhau nhằm tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác lãnh đạo.

- Học viên nắm được vai trò của tâm lý học trong quản lý hành chính nhà nước. Hiểu được những yếu tố ảnh hưởng tới tâm lý công chức từ đó có những biện pháp để phát huy những ảnh hưởng tốt hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực. Đồng thời hoàn thiện hơn nhân cách của mình để làm tốt công tác quản lý.

** Về kỹ năng:*

- Lựa chọn và phân tích được những hiện tượng tâm lý trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.
- Đánh giá được một số hiện tượng tâm lý cần chú ý trong hoạt động lãnh đạo, quản lý.
- So sánh được các con đường hình thành và hoàn thiện nhân cách người lãnh đạo, quản lý.
- Phân tích được các yếu tố tâm lý trong lãnh đạo, quản lý các quá trình kinh tế-xã hội.

- Vận dụng các biện pháp cơ bản để nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo, quản lý.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT CỦA TÂM LÝ HỌC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ HIỆN NAY

- 1.1. Vai trò, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu
- 1.2. Những nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý con người và các nhóm xã hội
- 1.3. Lựa chọn và phân tích những hiện tượng tâm lý trong hoạt động lãnh đạo, quản lý

CHƯƠNG 2: NHỮNG HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, LÃNH ĐẠO

- 2.1. Hoạt động lãnh đạo quản lý và sự hình thành những hiện tượng tâm lý trong
- 2.2. Hiện tượng tâm lý trong lãnh đạo, quản lý
- 2.3. Một số hiện tượng tâm lý cần chú ý trong hoạt động lãnh đạo, quản lý

CHƯƠNG 3: NHÂN CÁCH NGƯỜI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

- 3.1. Khái niệm nhân cách người lãnh đạo, quản lý
- 3.2. Cấu trúc nhân cách người lãnh đạo, quản lý
- 3.3. Con đường hình thành và hoàn thiện nhân cách người lãnh đạo, quản lý hiện nay

CHƯƠNG 4: UY TÍN NGƯỜI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

- 4.1. Khái niệm và những yếu tố hợp thành uy tín người lãnh đạo, quản lý
- 4.2. Những biểu hiện uy tín thực chất của người lãnh đạo, quản lý
- 4.3. Con đường gây dựng, củng cố và nâng cao uy tín của người lãnh đạo, quản lý hiện nay

CHƯƠNG 5: NHỮNG YẾU TỐ TÂM LÝ TRONG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG VÀ TỔ CHỨC CÁN BỘ

- 5.1. Những yếu tố tâm lý trong công tác tư tưởng
- 5.2. Những yếu tố tâm lý trong công tác tổ chức cán bộ

CHƯƠNG 6: NHỮNG YẾU TỐ TÂM LÝ TRONG LÃNH ĐẠO CÁC QUÁ TRÌNH KINH TẾ XÃ HỘI HIỆN NAY

- 6.1. Sự cần thiết phải tính đến các yếu tố tâm lý trong lãnh đạo, quản lý các quá trình kinh tế-xã hội hiện nay
- 6.2. Những yếu tố tâm lý xã hội góp phần nâng cao chất lượng ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định lãnh đạo, quản lý
- 6.3. Các biện pháp cơ bản cần chú ý vận dụng để nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo, quản lý

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Vũ Dũng (2007), *Tâm lý học quản lý*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

2. Trần Minh Hằng (2011), *Tâm lý học quản lý*, Nhà xuất bản giáo dục.
3. Trần Ngọc Khuê (2007), *Tâm lý học lãnh đạo, quản lý*. Giáo trình dành cho hệ cao cấp lý luận chính trị, Viện xã hội học và Tâm lý lãnh đạo quản lý - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

6 Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (02 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA

Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nông Hữu Tùng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH CÔNG**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Tài chính công**
- Tên tiếng anh: **Public Finance**
- Mã học phần: **QLKT0319**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,0, Thực hành: 1,0.**
- Học phần tiên quyết: **Lý thuyết tài chính - Tiền tệ**
- Giảng viên: **1. PGS. TS. Bùi Bằng Đoàn**
2. GS.TS. Phạm Văn Đình
3. NCS. Ths. Mai Thị Huyền
- Bộ môn: **Kế toán**

2. Mô tả học phần

Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công, như: khu vực công và lý thuyết về hiệu quả và công bằng; hàng hóa công và chi tiêu công; các nội dung, công cụ và phương pháp quản lý tài chính công truyền thống và hiện đại; những nội dung cơ bản về NSNN và quản lý NSNN; quản lý chu trình NSNN và công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán NSNN; ngân sách nhà nước và tài trợ bội chi ngân sách; quản lý nợ công.

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức:*

Sau khi học xong môn học, học viên có thể hiểu và nhận thức những vấn đề cơ bản về tài chính công trong nền kinh tế thị trường, trong đó hiểu được vai trò và mức độ can thiệp của khu vực công, phối hợp hiệu quả khu vực công và tư trong cung cấp dịch vụ công trong xã hội; học viên được cung cấp phương pháp và kỹ năng phân tích các chính sách quản lý NSNN, cân đối NSNN, các biện pháp xử lý thiếu hụt và bội chi NSNN vào thực tiễn quản lý NSNN ở Việt Nam. Những kiến thức này làm nền tảng để nghiên cứu các môn thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế.

** Về kỹ năng:*

- Giải thích vai trò của Chính phủ trong cung cấp dịch vụ, hàng hóa công, đánh giá hiệu quả của chính sách chi tiêu công, đánh giá chính sách thuế với vấn đề hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội; chính sách tài trợ bội chi qua thu thuế hay vay nợ...

- Có phương pháp và kỹ năng phân tích chính sách quản lý NSNN, cân đối NSNN, chính sách bù đắp thâm hụt NSNN và quản lý nợ công.

- Theo dõi được các cuộc tranh luận liên quan đến chính sách quản lý tài chính công và có khả năng đưa ra chính kiến riêng của mình,

- Kết hợp và vận dụng được kiến thức về quản lý tài chính công phù hợp với công tác quản lý thực tế của đơn vị hay doanh nghiệp.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

1.1. Những vấn đề cơ bản về khu vực Công

1.2. Khái niệm và đặc điểm của tài chính công

1.3. Những vấn đề cơ bản về quản lý tài chính công

CHƯƠNG 2: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

2.1. Khái niệm, phân loại ngân sách Nhà nước

2.2. Kế toán, kiểm soát, kiểm toán và đánh giá

2.3. Nguyên tắc quản lý NSNN

2.4. Phân cấp quản lý NSNN

2.5. Các phương thức quản lý NSNN

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ CHU TRÌNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

3.1. Khái niệm về chu trình NSNN

3.2. Lập dự toán NSNN

3.3. Chấp hành NSNN

3.4. Kiểm toán và quyết toán NSNN

3.5. Quyết toán NSNN

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

4.1. Lý luận về cân đối ngân sách Nhà nước

4.2. Bội chi NSNN

4.3. Tổ chức cân đối ngân sách nhà nước

CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ NỢ CÔNG

5.1. Khái niệm về nợ công

5.2. Quan điểm về nợ công

5.3. Các hình thức nợ công

5.4. Mục tiêu quản lý nợ công

5.5. Các nguyên tắc quản lý nợ công

5.6. Quản lý rủi ro trong nợ công

5. Tài liệu học tập

5.1 Tài liệu tiếng Việt

1. Phạm Văn Khoan, Hoàng Thị Thúy Nguyệt (2010), *Giáo trình Lý thuyết quản lý tài chính công*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài (2009), *Lý thuyết tài chính công*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
3. Phạm Văn Vận (2004), *Giáo trình kinh tế công cộng*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, tập 1, Nhà xuất bản Thống kê.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

4. Joseph E. Stiglitz (1995), *Kinh tế học công cộng*, Nhà xuất bản KHKT, Hà Nội.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)
- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ
- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

- 7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)
- 7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)
- 7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Quản lý và phát triển nguồn nhân lực**
- Tên tiếng anh: **Human Resources Management and Development**
- Mã số: **QLKT320**

Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,0; Thực hành: 1,0.**

- Học phần tiên quyết: **Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô**

Giảng viên: **1. PGS.TS. Nguyễn Tuấn Sơn**

2. TS. Nguyễn Quang Hà

- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: nhập môn; hoạch định, tuyển dụng, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực; tổ chức và quản lý tiền công, tiền lương; quan hệ lao động; và quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức:*

Cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về quản lý nguồn nhân lực trong các đơn vị tổ chức bao gồm những học thuyết về quản lý nguồn nhân lực, các phương pháp xác định nguồn nhân lực; công tác hoạch định, tuyển dụng, đánh giá và đào tạo phát triển nguồn nhân lực; các vấn đề có liên quan đến quản lý tiền công, tiền lương; vấn đề quan hệ lao động; thực tiễn công tác quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

** Về kỹ năng:*

Có kỹ năng phân tích công việc, biết được các bước tuyển dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân lực. Vận dụng lý thuyết trong quản lý tiền lương tiền công và các hình thức trả lương sao cho phù hợp các nguyên tắc và hình thức quan hệ lao động trong quản lý nhân lực.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN

1.1. Khái niệm và vai trò của nguồn nhân lực

1.2. Khái niệm và tầm quan trọng chiến lược của quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức

của quản lý nguồn nhân lực

1.3. Chức năng của của quản lý nguồn nhân lực

1.4. Một số học thuyết về quản lý nguồn nhân lực

1.5. Những thách thức đối với quản lý nguồn nhân lực trong thế kỷ 21

CHƯƠNG 2: HOẠCH ĐỊNH, TUYỂN DỤNG, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

2.1. Hoạch định nguồn nhân lực

2.2. Phân tích công việc

2.3. Tuyển dụng nguồn nhân lực

2.4. Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên

2.5. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ TIỀN CÔNG, TIỀN LƯƠNG

3.1. Khái niệm và vai trò của tiền công, tiền lương

3.2. Khái niệm và vai trò của quản lý tiền công, tiền lương trong các doanh nghiệp

3.3. Các hình thức trả lương, trả công cho người lao động

CHƯƠNG 4: QUAN HỆ LAO ĐỘNG

4.1. Khái niệm và bản chất của quan hệ lao động

4.2. Nguyên tắc và một số hình thức quan hệ lao động

4.3. Cơ chế hoạt động của quan hệ lao động

4.4. Tranh chấp lao động và đình công

CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

5.1. Quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam

5.2. Quản lý nguồn nhân lực ở một số nước trên thế giới

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Trần Kim Dung (2009), *Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Điềm và Nguyễn Ngọc Quân (2007), *Giáo trình quản trị nguồn nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

3. Trần Xuân Cầu và Mai Quốc Chánh (2008), *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4. Mai Quốc Chánh và Trần Xuân Cầu (2000), *Giáo trình Kinh tế lao động*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

5. Nguyễn Thị Lan Hương (2002), *Thị trường lao động Việt Nam – Định hướng và phát triển*, NXB Lao động - Xã hội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

6. Bruce E. Kaufman (2003), *The Economics of Labor Markets*, NXB Thomson South-Western.

7. David Begg (1991), *Economics*, The Mc Graw – Hill Companies, Inc.

6 Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (2 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ MARKETING**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Quản trị marketing**
- Tên tiếng anh: **Marketing Management**
- Mã số : **QLKT321**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,0; Thực hành: 1,0.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. TS. Đồng Thị Vân Hồng**
2. TS. Phạm Thị Hương Dịu
3. Ths.Võ Thị Khánh Linh
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về ý nghĩa, vai trò của quản trị marketing và các nhà quản trị marketing trong hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh. Môn học giải thích toàn bộ tiến trình quản trị marketing với các bước cần thiết. Phân tích – hoạch định – thực hiện – kiểm tra mà nhà quản trị marketing phải thực hiện.

3. Mục tiêu của học phần

* *Về kiến thức:* Nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên những nguyên tắc cơ bản nhất trong quá trình quản trị hoạt động Marketing như:

- Có kiến thức tổng quan về Marketing và quản trị Marketing.
- Biết cách phân tích các cơ hội Marketing.
- Trình bày được chiến lược Marketing mục tiêu, chiến lược Marketing cạnh tranh.
- Biết cách hoạch định chương trình Marketing, tổ chức, thực hiện và kiểm tra đánh giá

hoạt động Marketing.

* *Về kỹ năng:*

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu đánh giá một kế hoạch Marketing của một doanh nghiệp.

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện, kiểm tra đánh giá một kế hoạch Marketing.

- Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình quản trị hoạt động Marketing.

- Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING VÀ QUẢN TRỊ MARKETING

1.1. Tổng quan về Marketing

1.2. Quá trình quản trị Marketing

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH CƠ HỘI MARKETING

2.1. Hệ thống thông tin Marketing

2.2. Phân tích môi trường Marketing

2.3. Phân tích khách hàng

2.4. Phân tích cạnh tranh

CHƯƠNG 3: CHIẾN LƯỢC MARKETING MỤC TIÊU

3.1. Phân khúc thị trường mục tiêu

3.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu

3.3. Chiến lược định vị - Chiến lược tạo sự khác biệt

3.4. Định vị thương hiệu

CHƯƠNG 4: CHIẾN LƯỢC MARKETING CẠNH TRANH

4.1. Khái niệm

4.2. Hoạch định chiến lược Marketing

4.3. Chiến lược thị trường

4.4. Chiến lược Marketing – Chu kỳ sống của sản phẩm.

4.5. Chiến lược Marketing theo vị thế doanh nghiệp trên thị trường

CHƯƠNG 5: HOẠCH ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH MARKETING

5.1. Hoạch định chiến lược sản phẩm

5.2. Hoạch định chiến lược và chính sách giá cả

5.3. Hoạch định chiến lược phân phối

5.4. Hoạch định chiến lược xúc tiến hỗn hợp

CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC, THỰC HIỆN, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG MARKETING

6.1. Tổ chức hoạt động Marketing

6.2. Thực hiện chương trình Marketing

6.3. Kiểm tra và đánh giá Marketing

5. Tài liệu học tập

5.1 Tài liệu tiếng việt

1. Trương Đình Chiến (2014), *Giáo trình Quản trị marketing*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
2. Philip Kotler (2012), *Quản trị marketing*, NXB Lao động xã hội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

- Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi
- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (02 bài)
 - Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ
 - Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. *Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)*

7.2. *Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)*

7.3. *Thi cuối kỳ (trọng số 50%).*

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Quản trị chiến lược**
- Tên tiếng anh: **Strategic Management**
- Mã số: **QLKT322**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,0, Thực hành: 1,0.**
- Học phần tiên quyết:
- Giảng viên: **1. TS. Phạm Thị Hương Dịu**
2. TS. Đồng Thị Vân Hồng
3. NCS. Ths. Nguyễn Thị Thu Thanh
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Tổng quan về chiến lược và Quản trị chiến lược; nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, nghiên cứu môi trường kinh doanh và phân tích nội bộ doanh nghiệp, chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp bộ phận doanh nghiệp, phân tích và lựa chọn chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược; kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức:*

Trang bị những kiến thức cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược trong tổ chức, giúp học viên hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản về quản trị chiến lược vào những tình huống cụ thể.

** Về kỹ năng:*

- Trang bị cho học viên kỹ năng hoạch định, xây dựng chiến lược và quản trị chiến lược trong phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức tốt và hiểu được tầm quan trọng về các vấn đề trong quản trị chiến lược.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

1.1. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của chiến lược

1.2. Bản chất của quản trị chiến lược và giá trị của quản trị chiến lược

1.3. Các giai đoạn của quản trị chiến lược

CHƯƠNG 2: NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA DOANH NGHIỆP

2.1. Xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp

2.2. Tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp

2.3. Triết lý kinh doanh của doanh nghiệp

2.4. Trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh

CHƯƠNG 3: NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ PHÂN TÍCH NỘI BỘ DOANH NGHIỆP

3.1. Nghiên cứu môi trường kinh doanh

3.2. Phân tích nội bộ doanh nghiệp

CHƯƠNG 4: CHIẾN LƯỢC CẤP DOANH NGHIỆP VÀ CẤP BỘ PHẬN DOANH NGHIỆP

4.1. Các chiến lược phát triển

4.2. Các chiến lược cạnh tranh

4.3. Các chiến lược chức năng

CHƯƠNG 5 : PHÂN TÍCH VÀ LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC

5.1. Các kỹ thuật phân tích định hướng chiến lược doanh nghiệp

5.2. Lựa chọn chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp

5.3. Đánh giá chiến lược đã lựa chọn

CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

6.1. Thực chất và ý nghĩa của việc tổ chức thực hiện chiến lược

6.2. Nội dung triển khai thực hiện chiến lược

6.3. Lựa chọn cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược

6.4. Triển khai thực hiện các kế hoạch nghiệp vụ kinh doanh

CHƯƠNG 7: ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC

7.1. Bản chất của việc kiểm tra, đánh giá chiến lược

7.2. Các tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá

7.3. Đánh giá và điều chỉnh chiến lược

5. Tài liệu học tập

5.1 Tài liệu tiếng việt

1. Ngô Kim Thanh (2011), *Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
2. Lê Thế Giới, Nguyễn Thanh Liêm, Trần Hữu Hải (2007), *Quản trị chiến lược*, NXB Thống Kê, Hà Nội.
3. Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt (2010), *Quản trị chiến lược*, NXB Thống Kê, Hà Nội.

4. Đào Duy Huân (2007), *Quản trị chiến lược trong toàn cầu hoá kinh tế*, NXB Thống kê, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

5. Smart moves: Successful strategies and tactics for career management, 2008, Godfrey Golzen, Andrew Garner.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (2 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. *Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)*

7.2. *Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)*

7.3. *Thi cuối kỳ (trọng số 50%)*

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ GIÁ VÀ THỊ TRƯỜNG**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Quản lý giá và thị trường**
- Tên tiếng anh: **Market and Price Management**
- Mã số: **QLKT323**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,0, Thực hành: 1,0.**
- Học phần tiên quyết: **Kinh vi mô**
- Giảng viên: **1. PGS.TS. Nguyễn Mậu Dũng**
2. TS. Trần Văn Đức
3. TS. Nông Hữu Tùng
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Bản chất sự can thiệp của nhà nước vào giá và thị trường; vai trò can thiệp của nhà nước vào giá và thị trường; mục tiêu can thiệp của nhà nước vào giá và thị trường; quản lý nhà nước về thị trường yếu tố sản xuất và thị trường sản phẩm (mục tiêu, công cụ, biện pháp, kết quả và tác động); quản lý nhà nước về giá cả (mục tiêu, công cụ, biện pháp, kết quả và tác động).

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức:*

Môn học này giúp cho học viên hiểu được sự cần thiết, mục tiêu, vai trò và một số lựa chọn chính sách của nhà nước trong quản giá và thị trường. Nắm được kiến thức cơ bản về quản lý của nhà nước đối với thị trường yếu tố sản xuất, thị trường sản phẩm và thị trường giá cả hàng hóa.

Người học sẽ hiểu sâu hơn về việc lựa chọn các công cụ quản lý của nhà nước đối với thị trường sản xuất, thị trường sản phẩm và thị trường giá cả hàng hóa hiện nay của nhà nước.

** Về kỹ năng:*

Vận dụng được các công cụ quản lý của nhà nước trong phân tích và đánh giá tác động tới thị trường yếu tố sản xuất, thị trường sản phẩm, thị trường giá cả hàng hóa trong thực tiễn hiện nay và trong từng trường hợp cụ thể.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT SỰ CAN THIỆP CỦA NHÀ NƯỚC VÀO GIÁ VÀ THỊ TRƯỜNG

- 1.1. Sự cần thiết phải có can thiệp của Nhà nước vào giá và thị trường
- 1.2. Mục tiêu can thiệp của Nhà nước vào giá và thị trường
- 1.3. Vai trò của Nhà nước trong quản lý giá và thị trường
- 1.4. Một số lựa chọn chính sách của Nhà nước trong quản lý giá và thị trường

CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG YẾU TỐ SẢN XUẤT

- 2.1. Thị trường yếu tố sản xuất và Phân loại thị trường yếu tố sản xuất
- 2.2. Quản lý Nhà nước đối với thị trường Tài chính
- 2.3. Quản lý Nhà nước đối với thị trường Đất
- 2.4. Quản lý Nhà nước đối với thị trường Lao động
- 2.5. Quản lý Nhà nước đối với thị trường Khoa học công nghệ

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM

- 3.1. Khái niệm và phân loại sản phẩm
- 3.2. Quản lý Nhà nước đối với thị trường sản phẩm hàng hóa
- 3.3. Quản lý Nhà nước đối với thị trường dịch vụ

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIÁ CẢ HÀNG HÓA

- 4.1. Mục tiêu quản lý nhà nước đối với giá cả hàng hóa
- 4.2. WTO và quản lý giá
- 4.3. Các công cụ quản lý giá
- 4.4. Kết quả (tác động) của hoạt động quản lý giá

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng việt

1. Bộ Tài chính (2010), *Thông tư 122/2010/TT-BTC ngày 12/08/2010 về Quản lý giá cả.*
2. Phan Huy Đường (2010), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về Kinh tế*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Trần Hữu Cường (2008), *Giáo trình Thị trường và Giá cả Nông sản*, Thực phẩm, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng anh

4. Bob Warner, CIE, for AUSAID (2000), *Vietnam – Economic and Financial Management*, Working paper 1.

6. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (02 bài)
- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Quản trị rủi ro**
- Tên tiếng anh: **Risk Management**
- Mã số : **QLKT324**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,0; Thực hành: 1,0.**
- Học phần tiên quyết: **Kinh vi mô**
- Giảng viên: **1. PGS.TS. Nguyễn Tuấn Sơn**
2. TS. Phạm Thị Hương Dịu
3. PGS.TS. Ngô Thị Thuận
- Bộ môn: **Quản trị kinh doanh**

2. Mô tả học phần

Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ cho giới kinh doanh mà cho cả các lĩnh vực đời sống bình thường. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.

3. Mục tiêu môn học

****Về kiến thức:***

Kết thúc môn học này sinh viên sẽ nhận thức rõ ràng hơn về rủi ro, nắm bắt được lý thuyết về rủi ro, các công cụ quản trị rủi ro như thế nào và một quy trình để kiểm soát rủi ro trong các doanh nghiệp.

****Về kỹ năng:***

Sinh viên cũng được trang bị các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng để đánh giá rủi ro một cách cụ thể. Từ đó có thể xây dựng chương trình kiểm soát và tài trợ rủi ro cho doanh nghiệp. Trong quá trình học sinh viên cũng được cung cấp các cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày, kỹ năng đọc và phân tích tài liệu. Đây là các kỹ năng thiết thực giúp người học làm việc hiệu quả hơn.

4. Mô tả môn học

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ RỦI RO

- 1.1. Rủi ro và phân loại rủi ro
- 1.2. Khái niệm và các nguyên tắc quản trị rủi ro
- 1.3. Mối quan hệ giữa quản trị rủi ro với quản trị chiến lược và quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 2: NHẬN DẠNG VÀ PHÂN TÍCH RỦI RO

- 2.1. Nhận dạng rủi ro
- 2.2. Phân tích rủi ro

CHƯƠNG 3: KIỂM SOÁT VÀ TÀI TRỢ RỦI RO

- 3.1. Kiểm soát rủi ro
- 3.2. Tài trợ rủi ro

CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ RỦI RO NHÂN LỰC

- 4.1. Khái niệm và phân loại rủi ro nhân lực
- 4.2. Nhận dạng rủi ro và phân tích rủi ro nhân lực
- 4.3. Kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực

CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI SẢN

- 5.1. Khái niệm và phân loại rủi ro tài sản
- 5.2. Nhận dạng và phân tích rủi ro tài sản
- 5.3. Kiểm soát và tài trợ rủi ro tài sản

5. Tài liệu học tập

5.1 Tài liệu tiếng Việt

1. Dương Hữu Hạnh (2009), *Quản trị rủi ro xí nghiệp trong nền kinh tế toàn cầu – nguyên tắc và thực hành*, NXB Tài chính, Hà Nội.
2. Nguyễn Quang Thu (2008), *Quản trị rủi ro và Bảo hiểm trong doanh nghiệp*, NXB Thống kê, Hà Nội.
3. Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt, Hà Đức Sơn (2009), *Quản trị rủi ro và khủng hoảng*, NXB Lao động, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

4. C. Arthur Williams.JR, Michael L. Smith, Peter C. Young (1998), *Risk Management and Insurance*, Irwin McGraw-Hill.
5. Christopher L. Culp (2001), *The Risk Management Process*, John Wiley & Sons, Inc.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

- Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi
- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (02 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ
- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%)

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Quản lý kinh tế nông nghiệp**
- Tên tiếng anh: **Agricultural Economic Management**
- Mã số: **QLKT325**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,0, Thực hành: 1,0.**
- Học phần tiên quyết: **Kinh tế vi mô**
- Giảng viên: **1. GS.TS. Phạm Văn Đình**
2. TS. Nguyễn Thực Huy
3. Ths. Phạm Thị Dinh
- Bộ môn: **Kinh tế**

2. Mô tả học phần

Môn học quản lý kinh tế nông nghiệp là sự phát triển và nâng cao các kiến thức đã được trang bị ở bậc đại học thông qua việc cung cấp các kiến thức nâng cao về quản lý kinh tế trong nông nghiệp như: nông nghiệp và những vấn đề đặt ra cho quản lý kinh tế nông nghiệp; quản lý thành phần kinh tế và tổ chức kinh tế trong nông nghiệp, quản lý các nguồn lực trong nông nghiệp; quản lý thị trường trong nông nghiệp; quản lý nông nghiệp và hội nhập quốc tế; phát triển nông nghiệp bền vững.

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức:*

Môn học sẽ trang bị cho học viên các kiến thức về: Quản lý thành phần kinh tế và tổ chức kinh tế trong nông nghiệp, quản lý và sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp; quản lý thị trường trong nông nghiệp; quản lý nông nghiệp và hội nhập quốc tế; phát triển nông nghiệp bền vững

** Về kỹ năng:*

- Hiểu rõ về các thành phần kinh tế và các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp ở Việt Nam theo cơ chế thị trường trong bối cảnh hội nhập

- Phân tích các nguồn lực trong nông nghiệp và biện pháp nâng cao hiệu quả trong sử dụng các nguồn lực đó

- Hiểu và biết vận dụng các kỹ năng quản lý để quản lý kinh tế nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập, phải đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NÔNG NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO QUẢN LÝ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

- 1.1. Nông nghiệp đa chức năng
- 1.2. Nông nghiệp trong phát triển kinh tế-xã hội
- 1.3. Những vấn đề đặt ra cho quản lý kinh tế nông nghiệp

CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NÔNG NGHIỆP

- 2.1. Thành phần kinh tế, tổ chức kinh tế, khu vực kinh tế trong nông nghiệp
- 2.2. Sự phát triển các loại hình tổ chức kinh tế trong nông nghiệp và nông thôn
- 2.3. Quản lý các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ CÁC NGUỒN LỰC TRONG NÔNG NGHIỆP

- 3.1. Các nguồn lực trong nông nghiệp
- 3.2. Kinh tế và quản lý các nguồn lực

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TRONG NÔNG NGHIỆP

- 4.1. Quản lý thị trường đầu vào
- 4.2. Quản thị trường đầu ra

CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ NÔNG NGHIỆP VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

- 5.1. Cam kết trong hội nhập quốc tế của nông nghiệp
- 5.2. Tác động của hội nhập quốc tế đến nông nghiệp và nông thôn
- 5.3. An toàn lương thực-thực phẩm và an ninh lương thực thực phẩm
- 5.4. GAP và an toàn vệ sinh thực phẩm
- 5.5. Quản lý nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập

CHƯƠNG 6: PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

- 6.1. Quá trình phát triển Nông nghiệp
- 6.2. Nông nghiệp hiện đại và Nông nghiệp bền vững
- 6.3. Tiêu chí đánh giá nền nông nghiệp
- 6.4. Phương pháp tiếp cận trong phát triển nông nghiệp
- 6.5. Chiến lược phát triển NN và NT: Công nghiệp hoá hiện đại hoá NN và NT
- 6.6. Vấn đề “Tam nông”: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

5. Tài liệu học tập

5.1 Tài liệu tiếng việt

1. Đỗ Kim Chung và cộng sự (2009), *Nguyên lý kinh tế nông nghiệp*, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

2. Jon Norton, Jonfrey Awrong, *The Economics of Agricultural development: World Food System and Resource Use*, Conel University Press.

3. Frank Ellis (2003), *Agricultural Policies in Development Contries*, Longman Publishing House.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (02 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. *Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)*

7.2. *Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)*

7.3. *Thi cuối kỳ (trọng số 50%).*

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Kinh tế và quản lý đầu tư**
- Tên tiếng Anh: **Investment Economics and Management**
- Mã số: **QLKT326**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,0, Thực hành: 1,0.**
- Học phần tiên quyết: **Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô**
- Giảng viên: **1. TS. Nguyễn Hải Nam**
2. TS. Lê Khắc Côi
3. NCS.Ths. Hoàng Nguyệt Quyên

- Bộ môn: **Kinh tế**

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý hoạt động đầu tư phát triển. Cụ thể, môn học nghiên cứu những vấn đề về bản chất, vai trò của đầu tư phát triển; nội dung cơ bản của hoạt động đầu tư ở phạm vi quốc gia; nguồn vốn và giải pháp huy động vốn cho đầu tư; công tác tổ chức quản lý và kế hoạch đầu tư; đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển; mối quan hệ giữa đầu tư, tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô đầu tư...

Môn học Kinh tế và quản lý đầu tư giảng dạy cho hệ cao học khác với nội dung giảng dạy cho bậc đại học về cách tiếp cận, phương pháp giải quyết các vấn đề nghiên cứu, nội dung nghiên cứu được nâng cao, nhấn mạnh đến khía cạnh liên hệ thực tiễn Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần:

**Về kiến thức:*

- Nắm vững các vấn đề lý luận chung về kinh tế đầu tư.
- Xem xét mối quan hệ giữa đầu tư, tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phương pháp đánh giá mức độ ảnh hưởng của nhân tố đầu tư đến tăng trưởng kinh tế.
- Hiểu rõ các vấn đề về tổ chức quản lý và kế hoạch đầu tư của đất nước.

**Về kỹ năng:*

- Hiểu và vận dụng được phương pháp luận đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư;
- Vận dụng lý luận và phương pháp luận về đầu tư để giải quyết các vấn đề về thực tế của Việt Nam.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐẦU TƯ

- 1.1. Bản chất của đầu tư phát triển
- 1.2. Nội dung đầu tư phát triển
- 1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư
- 1.4. Tác động của đầu tư đến tăng trưởng và phát triển

CHƯƠNG 2: NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN CHO ĐẦU TƯ

- 2.1. Nguồn vốn đầu tư
- 2.2. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
- 2.3. Nguồn vốn ODA: Lý luận và thực tiễn
- 2.4. Mối quan hệ giữa các loại nguồn vốn trong việc huy động vốn cho đầu tư phát triển

Việt Nam

CHƯƠNG 3: CƠ CẤU ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU ĐẦU TƯ

- 3.1. Lý luận chung về cơ cấu đầu tư và chuyển dịch đầu tư
- 3.2. Đánh giá thực trạng cơ cấu đầu tư ở Việt Nam
- 3.3. Các giải pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu đầu tư hợp lý
- 3.4. Định lượng tác động của việc chuyển dịch cơ cấu đầu tư đến chuyển dịch cơ cấu

kinh tế

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ KẾ HOẠCH HÓA ĐẦU TƯ

- 4.1. Khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp quản lý hoạt động đầu tư
- 4.2. Nội dung, công cụ và phương tiện quản lý
- 4.3. Tổ chức quản lý đầu tư ở Việt Nam
- 4.4. Các nguyên tắc, nội dung và phân loại kế hoạch đầu tư

CHƯƠNG 5: KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐẦU TƯ

- 5.1. Kết quả của hoạt động đầu tư
- 5.2. Hiệu suất của hoạt động đầu tư
- 5.3. Đánh giá thực trạng hiệu quả đầu tư của Việt Nam

5. Tài liệu học tập:

1. Nguyễn Văn Chơn (1998), *Những vấn đề cơ bản về kinh tế đầu tư và thiết kế xây dựng*, NXB Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Michel Todaro (1997), *Kinh tế học cho thế giới thứ ba (sách dịch)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Bạch Nguyệt, Từ Quang Phương (2007), *Kinh tế đầu tư*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

- Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi
- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (02 bài)
 - Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ
 - Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ CÔNG CỘNG

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Kinh tế công cộng**
- Tên tiếng anh: **Public Economics**
- Mã số : **QLKT327**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5; Thực hành: 0,5.**
- Học phần tiên quyết: **Kinh tế vi mô**

Giảng viên: **1. TS. Đồng Thị Hồng Vân**

2. TS. Lê Khắc Côi

3. NCS.Ths. Hoàng Nguyệt Quyên

- Bộ môn: **Kinh tế**

2. Mô tả học phần

Phân biệt các đặc điểm đặc thù kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường và cơ chế thị trường không cạnh tranh; các thất bại của kinh tế thị trường cần các chính sách của chính phủ để giảm thiểu tổn thất phúc lợi xã hội; lý thuyết về chi tiêu công, đánh giá các chương trình chi tiêu; cơ chế tư nhân trong phân phối nguồn lực và cơ chế công cộng trong phân phối nguồn lực; thuế và ảnh hưởng của thuế tới hăng cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, ngắn hạn, dài hạn, cung lao động, xuất nhập khẩu.

3. Mục tiêu môn học

**Về kiến thức:*

- Cung cấp cái nhìn khái quát nhất về khu vực công, cơ sở kinh tế và các hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế.

- Sự điều tiết của Nhà nước thông qua một số Chương trình chi tiêu công cộng.

- Phân tích, đánh giá các công cụ, chính sách của Chính phủ áp dụng trong khu vực công.

**Về kỹ năng:*

- Có thể lý giải về vai trò và sự can thiệp của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

- Vận dụng các công cụ, chính sách của Chính phủ để can thiệp vào nền kinh tế thị trường.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH, LOẠI TRỪ, THỊ TRƯỜNG KHÔNG CẠNH TRANH, KHÔNG LOẠI TRỪ VÀ NHỮNG THẤT BẠI CỦA THỊ TRƯỜNG

1.1. Đặc điểm của thị trường cạnh tranh, loại trừ

1.2. Thị trường hàng hóa, dịch vụ ít hoặc không cạnh tranh, không loại trừ

1.3 Hiệu quả Pareto và phúc lợi xã hội

1.4 Những thất bại của kinh tế thị trường và công cụ giảm thiểu các thất bại

1.5 Những thất bại của chính phủ và giải pháp khắc phục

CHƯƠNG 2: CHI TIÊU CÔNG CỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHI TIÊU CÔNG

2.1 Các chương trình chi tiêu công

2.2 Đánh giá các chương trình chi tiêu của chính phủ

2.3 Kết quả và hậu quả của các chương trình chi tiêu của Chính phủ

2.4 Nguyên tắc tối đa hóa phúc lợi xã hội trong phân phối lại phúc lợi xã hội

CHƯƠNG 3: CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG TRONG PHÂN PHỐI NGUỒN LỰC VÀ CƠ CHẾ CÔNG CỘNG TRONG PHÂN PHỐI NGUỒN LỰC

3.1. Cơ chế thị trường trong phân phối nguồn lực

3.2. Cơ chế công trong phân phối nguồn lực

3.3. Cơ sở để Chính phủ sản xuất hàng hóa tư nhân và cơ sở để tư nhân sản xuất hàng hóa công cộng

CHƯƠNG 4: TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ

4.1. Nguyên tắc thuế tối ưu

4.2. Thuế sản lượng ảnh hưởng tới hãng trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo và trong thị trường độc quyền

4.3. Thuế thu nhập tác động tới cung lao động trong các điều kiện kinh tế khác nhau, trong ngắn hạn và dài hạn

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Stiglitz, J.E (1988), *Kinh tế công cộng, bản dịch của Trường Đại học Kinh tế quốc dân 1995*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2. Phạm Văn Vận, Vũ Cương và tập thể tác giả (2004). *Kinh tế công cộng*. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản thống kê. Hà Nội.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

3. Samuelson, P.A. et al (1992), *Economics - Third edition*, McGraw-Hill Book Company Australia Pty Limited, Sydney.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nông Hữu Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Kinh tế quốc tế**
- Tên tiếng anh: **International Economics**
- Mã số: **QLKT328**
- Số tín chỉ: **Tổng số: 3, Lý thuyết 2,5; Thực hành: 0,5.**
- Học phần tiên quyết: **Kinh tế vi mô, Kinh tế vi mô**
- Giảng viên: **1. TS. Nguyễn Hải Nam**
2. TS. Trần Văn Đức
3. NCS. Ths. Nguyễn Thị Thu Thanh

- Bộ môn: **Kinh tế**

2. Mô tả học phần

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, quan hệ kinh tế về thương mại, đầu tư... giữa các quốc gia ngày càng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Sự phân công lao động diễn ra không chỉ giữa các quốc gia, quốc tế mà cả giữa các doanh nghiệp. Các quan hệ kinh tế quốc tế diễn ra rất đa dạng, phong phú trên các lĩnh vực thương mại, đầu tư, chuyển giao công nghệ... và các lĩnh vực khác.

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức căn bản và nâng cao về quan hệ kinh tế quốc tế, từ đó vận dụng phân tích thực tiễn phát triển kinh tế, chiến lược hội nhập kinh tế của Việt Nam và các doanh nghiệp.

3. Mục tiêu của học phần

**Về kiến thức:*

- Môn Kinh tế quốc tế trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, bao gồm lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế.

**Về kỹ năng:*

- Học viên có kiến thức cơ bản về thị trường thế giới bên cạnh những hiểu biết về bản chất của thương mại quốc tế.

- Học viên có khả năng ứng dụng các lý thuyết và công cụ của kinh tế học để phân tích không chỉ bản chất của việc buôn bán hàng hóa xuyên qua các biên giới quốc gia mà còn của việc trao đổi tiền tệ và sự lưu thông các yếu tố sản xuất như lao động, vốn và tài nguyên.

- Học viên có thể vận dụng kiến thức của môn học này để phân tích thực chất của thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế ngày nay, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực, toàn cầu.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ QUỐC TẾ

- 1.1. Sự phát triển của khoa học công nghệ
- 1.2. Sự phát triển của thương mại
- 1.3. Tình hình về đầu tư quốc tế
- 1.4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế hoá nền kinh tế thế giới

CHƯƠNG 2: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

- 2.1. Những lý thuyết cổ điển và hiện đại về thương mại quốc tế
- 2.2. Các chính sách về thương mại quốc tế
- 2.3. Phân tích về chính sách thương mại của Việt Nam

CHƯƠNG 3: LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ SỰ DỊCH CHUYỂN CÁC NGUỒN LỰC

- 3.1. Các hình thức liên kết kinh tế quốc tế
- 3.2. Di chuyển các nguồn lực (vốn, lao động)
- 3.3. Phân tích các hình thức liên kết kinh tế quốc tế của Việt Nam

CHƯƠNG 4: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

- 4.1. Thị trường ngoại hối
- 4.2. Tỷ giá hối đoái
- 4.3. Tài chính của Việt Nam trong quá trình hội nhập

CHƯƠNG 5: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

- 5.1. Phân tích về xu thế khu vực hoá, toàn cầu hoá của các nước trên thế giới
- 5.2. Phân tích về tình hình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tiếng Việt

1. Hoàng Thị Chinh, Nguyễn Phú Tự, Nguyễn Hữu Lộc (1998), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

2. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2010), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

3. Nguyễn Phú Tụ, Trần Bích Vân, Năm 2012, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

5.2. Tài liệu tiếng Anh

4. Dominick Salvator (1995), *International Economics*, Prentice Hall, Englewood Cliffs, New Jersey, Fifth Edition.

6. Tiêu chuẩn đánh giá học viên

Dự lớp: - Theo quy chế của Nhà trường là cơ sở xác định điều kiện dự thi

- Tiểu luận/bài tập: Thảo luận nhóm và viết tiểu luận (01 bài)

- Kiểm tra giữa học kỳ: Có một bài kiểm tra giữa kỳ

- Thi cuối học kỳ: Tham dự thi hết môn

7. Thang điểm đánh giá: 10/10

7.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số 10%)

7.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ (trọng số 40%)

7.3. Thi cuối kỳ (trọng số 50%).

Bắc Giang, ngày 21 tháng 08 năm 2018

TRƯỞNG KHOA

Mai Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nông Hữu Tùng